|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN****TỈNH HÀ TĨNH**  Số: 8105/UBND-TH1V/v báo cáo kết quả thực hiện các nội dung chất vấn tại Kỳ họp thứ 10 HĐND tỉnh khoá XVII | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Tĩnh, ngày 04 tháng 12 năm 2019* |

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Kế hoạch số 659/KH-HĐND ngày 24/10/2019 của Thường trực HĐND tỉnh về chuẩn bị kỳ họp thứ 12 - HĐND tỉnh khoá XVII; Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện các nội dung chất vấn tại Kỳ họp thứ 10 HĐND tỉnh khoá XVII, cụ thể như sau:

**I. Đối với các lĩnh vực, nhóm vấn đề dự kiến chất vấn trực tiếp tại Kỳ họp:**

**Câu hỏi 1:** Công tác quản lý quy hoạch cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn toàn tỉnh còn nhiều bất cập, hạn chế; nhiều nhà máy sản xuất gạch tuynel trong quy hoạch nhưng hiện nay không có mỏ nguyên liệu để sản xuất. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho biết thực trạng và giải pháp trong thời gian tới.

**Trả lời:**

***1.1. Về thực trạng:***

 *- Về công tác quản quy hoạch cơ sở sản xuất VLXD:*

Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3689/QĐ-UBND ngày 07/12/2012, tỉnh đã quy hoạch 28 nhà máy gạch tuynel, trong đó cơ sở hiện có là 22 nhà máy, cơ sở xây mới 06 nhà máy. Hiện tại, UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư và 23 nhà máy đã xây dựng, hoạt động, thuộc địa bàn các huyện: Kỳ Anh 03, Cẩm Xuyên 03, Thạch Hà 06, Đức Thọ 01, Hương Sơn 02, Nghi Xuân 01, Hương Khê 03, Lộc Hà 01 và Can Lộc 03 (01 nhà máy gạch Thuận Lộc tại Thị xã Hồng Lĩnh hiện đã dừng hoạt động).

 Theo Quy hoạch điều chỉnh, bổ sung phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3514/QĐ-UBND ngày 18/11/2014, trên địa bàn tỉnh quy hoạch 19 nhà máy, trong đó 17 nhà máy gạch bê tông, 02 nhà máy khí chưng áp. Hiện UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư cho 18/19 nhà máy.

 Như vậy, về cơ bản các nhà máy gạch trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh được chấp thuận chủ trương đầu tư và cấp phép hoạt động phù hợp với Quy hoạch phát triển VLXD đã được UBND tỉnh phê duyệt. Quá trình lập, phê duyệt Quy hoạch phát triển VLXD trên cơ sở 23 nhà máy đã được xây dựng trước năm 2007. Tuy nhiên, về tổng công suất chấp thuận đầu tư của các nhà máy sản xuất gạch xây hiện đạt

đến 1,0-1,1 tỷ viên/năm, đã vượt cầu (800-900 triệu viên/năm) theo dự báo đến năm 2020.

*- Về nguồn nguyên liệu phục vụ cho hoạt động các nhà máy sản xuất gạch tuynel:*

Trên cơ sở kiến nghị của Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và ý kiến đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 243/UBND-CN1 ngày 18/01/2016 về việc triển khai kế hoạch giảm dần việc sản xuất, giảm dần việc sử dụng gạch đất sét nung và giải quyết nguồn nguyên liệu cung cấp cho các nhà máy gạch. Theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Văn bản số 842/STNMT-KS ngày 19/4/2016 đề nghị các đơn vị đã có nhà máy gạch nhưng chưa có mỏ nguyên liệu trực tiếp làm việc và phối hợp với UBND xã, huyện nơi đơn vị có nhà máy gạch để khảo sát lựa chọn các vùng có nguyên liệu. Trên cơ sở đề xuất của UBND các xã, huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh xem xét, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản sét đảm bảo cung cấp nguồn nguyên liệu cho nhà máy gạch. Kết quả từ năm 2016-2018 đã bổ sung 03 mỏ đất sét tại thị trấn Đồng Lộc, huyện Can Lộc; xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà và xã Bắc Sơn,huyện Thạch Hà, trong đó có 02 mỏ đã tổ chức đấu giá thành công.

Đến nay, trong tổng số 23 nhà máy gạch nêu trên có 09 nhà máy được cấp 10 mỏ sét thuộc địa bàn các huyện: Kỳ Anh (01 mỏ), Thạch Hà (04 mỏ), Hương Sơn (01 mỏ), Hương Khê (03 mỏ), Lộc Hà (01 mỏ) (trong đó 02 mỏ đấu giá năm 2018, 01 mỏ cấp mới và 01 mỏ đấu giá năm 2019). Năm 2019 Sở Tài nguyên và Môi trường cũng đang tiếp tục hoàn thành hồ sơ để thực hiện trình tự thủ tục đấu giá 02 mỏ tại địa bàn huyện Can Lộc, đồng thời bổ sung quy hoạch để cấp phép 01 mỏ đất sét tại địa bàn huyện Thạch Hà (hiện đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua việc bổ sung vào quy hoạch khoáng sản làm VLXDTT làm cơ sở đấu giá và cấp phép thăm dò, khai thác theo đúng quy định). Đến nay tổng số điểm quy hoạch mỏ đất sét làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói là 19 khu vực. Trong tháng 9/2019, UBND tỉnh đã cấp 02 giấy phép khai thác mỏ đất sét thuộc địa bàn huyện Lộc Hà và huyện Hương Sơn, góp phần đảm bảo nguồn nguyên liệu cho 02 nhà máy gạch Tuynel Sơn Tây và nhà máy gạch tuynel An Lộc.

***1.2. Về giải pháp:***

- Về lộ trình giảm dần sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh theo Kế hoạch số 277/KH-UBND ngày 25/8/2016 của UBND tỉnh đã xác định rõ:

Từ năm 2018, các nhà máy sản xuất gạch tuynel nếu không có nguồn đất sét được cấp phép sẽ dừng hoạt động hoặc chuyển đổi sang sản xuất gạch xây không nung;

Các nhà máy có thời hạn hoạt động (*lộ trình dừng hoạt động hoặc chuyển đổi sản xuất VLXKN từ năm 2017 đến 2045*) sẽ được điều chỉnh lộ trình sau khi được cấp có thẩm quyền cấp phép khai thác đất sét nguyên liệu, thời gian điều chỉnh lộ trình phù hợp với thời gian của giấy phép khai thác;

Đến năm 2020 phải chấm dứt việc sản xuất gạch đất sét nung; sau năm 2020, các nhà máy hết nguồn đất sét sản xuất thì phải dừng hoạt động hoặc chuyển đổi sang sản xuất gạch không nung tại thời điểm hết trữ lượng khai thác đất sét.

Do vậy, UBND tỉnh đang chỉ đạo thực hiện việc rà soát, kiên quyết chấm dứt các nhà máy không có nguồn nguyên liệu và không có kế hoạch chuyển đổi công nghệ sang sử dụng đất đồi, đối với các nhà máy còn lại sẽ xác định lộ trình chấm dứt hoạt động theo đúng Kế hoạch số 277/KH-UBND.

Để đảm bảo nguồn nguyên liệu cho các nhà máy gạch, đồng thời xác định lộ trình chấm dứt hoạt động đối với các nhà máy gây ảnh hưởng môi trường và chưa có vùng nguyên liệu được quy hoạch, UBND tỉnh đang tập trung chỉ đạo các ngành, địa phương tiếp tục rà soát, bổ sung các khu vực mỏ sét vào Quy hoạch khoáng sản làm VLXDTT để làm cơ sở tổ chức đấu giá và cấp phép hoạt động.

Kiểm tra việc sử dụng nguồn nguyên liệu để sản xuất của các nhà máy gạch, nếu nhà máy nào sử dụng nguồn nguyên liệu không có nguồn gốc (mua trôi nổi) sẽ xử lý nghiêm theo quy định.

**Câu hỏi 2:** Tình trạng mất cân đối cung - cầu về vật liệu xây dựng như cát, đất… trong thời gian qua. Nguyên nhân và giải pháp trong thời gian tới.

***Trả lời:***

***2.1. Về thực trạng:***

Tính đến tháng 11/2019, trên địa bàn tỉnh UBND tỉnh đã cấp phép 13 mỏ đất san lấp, diện tích 116,59ha, tổng công suất khai thác cấp phép là 1.287.000 m3/năm và 10 mỏ cát sỏi, diện tích 27,45ha, tổng công suất khai thác cấp phép là 103.200 m3/năm. Theo Quyết định số 3514/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn 2030 thì dự báo nhu cầu khoáng sản làm VLXDTT đến năm 2020 đối với cát xây dựng là 3.000.000m3/năm, đất san lấp là 4.000.000 m3/năm. Như vậy, sản lượng cấp phép khai thác đối với cát xây dựng mới chỉ đáp ứng 3,5% và đất san lấp mới đáp ứng được 32% so với nhu cầu sử dụng trên địa bàn tỉnh đến năm 2020. Về nguồn cung vật liệu cát xây dựng trên địa bàn, ngoài các mỏ đã được cấp phép còn có cát vận chuyển từ tỉnh Nghệ An vào, từ tỉnh Quảng Bình ra và một phần từ hoạt động khai thác, vận chuyển cát trái phép.

Trên địa bàn tỉnh hiện đang triển khai thi công các dự án trọng điểm như: nâng cấp tuyến đường ven biển Xuân Hội - Thạch Khê, các công trình xây dựng nông thôn mới tại các địa phương nên nhu cầu sử dụng đất san lấp và cát xây dựng là rất lớn. Việc ngăn chặn, xử lý các hành vi khai thác, vận chuyển khoáng sản trái phép của 03 Tổ công tác liên ngành đã góp phần hạn chế tối đa tình trạng khai thác đất, cát trái phép trên địa bàn; mặt khác 07/08 đơn vị được cấp phép khai thác cát trên địa bàn tỉnh đang tạm dừng hoạt động khai thác để khắc phục lỗi vi phạm do sử dụng thiết bị, phương pháp khai thác không đúng theo thiết kế mỏ đã dẫn đến trình trạng cung không đủ cầu về vật liệu cát xây dựng, đất san lấp trên địa bàn tỉnh.

***2.2. Về nguyên nhân:***

- Việc cấp phép các mỏ khoáng sản đất san lấp, cát xây dựng trên địa bàn còn ít, chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng.

- Hoạt động khai thác khoáng sản (đất, cát) trái phép thời gian qua giảm mạnh do việc kiểm soát, ngăn chặn, xử lý vi phạm của cơ quan chức năng.

- Các đơn vị khai thác cát trên địa bàn đang tạm dừng khai thác để đầu tư thiết bị, thay đổi phương pháp khai thác theo hồ sơ thiết kế và dự án đầu tư.

***2.3. Về giải pháp:***

- Tiếp tục tổ chức đấu giá các mỏ khoáng sản (nhất là đối với đất san lấp, cát xây dựng) nằm trong quy hoạch khoáng sản và đảm bảo các điều kiện tổ chức khai thác để cấp phép hoạt động; rà soát các khu vực mỏ nằm trong khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản để cấp phép khai thác nhằm đảm bảo vật liệu cho nhu cầu xây dựng các công trình nông thôn mới, các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh. Trong năm 2019, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu, đề xuất ban hành Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản đợt 1 năm 2019 đối với 02 mỏ đất san lấp, 01 mỏ cát xây dựng chưa có kết quả thăm dò khoáng sản; hiện UBND tỉnh đang xem xét ban hành Kế hoạch để tổ chức thực hiện.

- Tập trung hoàn thành bổ sung 23 khu vực đất san lấp và 04 khu vực cát xây dựng đã được các Sở, ngành, địa phương kiểm tra, rà soát vào Quy hoạch khoáng sản làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh để tiến hành cấp phép đáp ứng nhu cầu trên địa bàn trong thời gian tới. Hiện việc điều chỉnh, bổ sung các khu vực khoáng sản trong Quy hoạch khoáng sản làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh đã được Thường trực HĐND tỉnh đã có ý kiến thống nhất tại Văn bản số 654/HĐND ngày 22/10/2019 và UBND tỉnh đang xem xét để ban hành quyết định bổ sung quy hoạch theo đúng quy định.

- Yêu cầu, đôn đốc các đơn vị khai thác cát trên địa bàn sử dụng thiết bị, phương pháp khai thác theo đúng thiết kế, đảm bảo hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ để cung cấp nguồn nguyên liệu cho các dự án đang triển khai trên địa bàn.

- Tiếp tục nghiên cứu, hướng dẫn việc sản xuất và sử dụng cát nhân tạo thay thế cát tự nhiên trong xây dựng; bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sử dụng vật liệu thay thế cát tự nhiên trong san lấp.

**Câu hỏi 3:** Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đặc biệt là đất có nguồn gốc trước năm 1980. Kết quả, tồn tại, nguyên nhân và giải pháp.

**Trả lời:**

***3.1. Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:***

*a. Kết quả thực hiện:*

Thực hiện Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để chấn chỉnh việc cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 31/10/2012 về việc giao chỉ tiêu thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các huyện, thị xã, thành phố. Trong quá trình thực hiện, để đẩy nhanh tiến độ đo vẽ bản đồ, cấp đổi GCNQSD đất sau chuyển đổi ruộng đất và xây dựng hồ sơ địa chính, Hội đồng nhân dân tỉnh cũng đã ban hành Nghị quyết số 54/2013/NQ-HĐND ngày 13/7/2013 về hoàn thành đo vẽ bản đồ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng hồ sơ địa chính. Kết quả thực hiện đến nay như sau:

*- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu:* Theo số liệu rà soát do các địa phương báo cáo, đến thời điểm 31/10/2012 trên địa bàn tỉnh còn có 66.623 trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu. Sau khi UBND tỉnh giao chỉ tiêu thực hiện tại Quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 31/10/2012, các địa phương đã giải quyết cấp được 65.980 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đạt gần 99% số trường hợp cần cấp; còn lại 643 trường hợp chưa giải quyết xong (vì các vướng mắc như: Đang có tranh chấp đất đai; không phối hợp lập hồ sơ hoặc người có quyền sử dụng đất không có mặt tại địa phương dài ngày; thửa đất chưa phân chia thừa kế; người sử dụng đất chưa hoàn thành thực hiện nghĩa vụ tài chính).

*- Cấp đổi GCNQSD đất gắn với đo đạc bản đồ địa chính và xây dựng hồ sơ địa chính:*

+ Đến thời điểm ngày 30/9/2019 toàn tỉnh đã ký cấp đổi 427.235 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên tổng số 435.965 giấy cần cấp (*so với kết quả thực hiện tại thời điểm đoàn giám sát của Ủy ban mặt trận tổ quốc tỉnh tháng 6/2018 tăng 4.246 giấy*), đạt 98% so với nhu cầu cần cấp.

+ Về giao giấy CNQSD đất đến người sử dụng đất: Kết quả tổng hợp từ các địa phương, đến nay đã giao 416.110 giấy/427.235 giấy đã ký, đạt 97,4% số giấy đã ký (*so với kết quả thực hiện tại thời điểm đoàn giám sát của Ủy ban mặt trận tổ quốc tỉnh tháng 6/2018 việc giao giấy cho người sử dụng đất tăng 10.729 giấy*).

Như vậy, công tác cấp GCN QSD đất lần đầu và cấp đổi GCN QSD đất gắn với đo đạc địa chính trên địa bàn tỉnh đã cơ bản hoàn thành; chủ yếu còn lại các trường hợp vướng mắc như: tranh chấp đất đai, chủ hộ không phối hợp xử lý hồ sơ do chưa xong việc phân chia thừa kế hoặc không có mặt tại địa phương để giải quyết cấp giấy chứng nhận v.v.

***3.2.Việc công nhận lại đất ở có nguồn gốc sử dụng đất từ trước ngày 18/12/1980*:**

*a. Kết quả đến ngày 30/10/2019:*

Thực hiện Quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh về việc công nhận lại đất ở cho các trường hợp sử dụng đất trước ngày 18/12/1980, đến nay các địa phương đã thực hiện kê khai được 19.368 thửa/102.697 thửa (theo rà soát lại của các địa phương), đạt gần 18,9% nhu cầu. UBND cấp xã đã xét duyệt được 10.819 thửa, đạt 55,9% số thửa đã kê khai; UBND cấp huyện đã ban hành quyết định công nhận lại quyền sử dụng đất ở cho 1.732 thửa.

Như vậy, so với kế hoạch đề ra thì việc công nhận lại diện tích đất ở có nguồn gốc trước ngày 18/12/1980 tại các địa phương thực hiện rất chậm (đạt tỷ lệ 8,9% so với hồ sơ đã kê khai và 1,7% so với nhu cầu cần cấp).

*b. Về nguyên nhân tồn tại:*

+ Công tác tổ chức thực hiện của cấp huyện, cấp xã chưa quyết liệt; hầu như cấp ủy, chính quyền cấp huyện chưa quan tâm, đang giao cho bộ phận chuyên môn thực hiện, cán bộ thực thi trách nhiệm chưa cao.

+ Công tác tuyên truyền chủ trương về công nhận lại đất ở chưa được các địa phương phổ biến rộng rãi trong nhân dân, chưa làm rõ thời hạn hiệu lực của Quyết định 2443 nên một bộ phận người dân chưa có nhu cầu công nhận lại, do đó tỷ lệ kê khai nhu cầu đạt được rất thấp (mới đạt 18,9% nhu cầu các thửa đất kê khai).

+ Quá trình lấy ý kiến của nhân dân về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất kéo dài, các hồ sơ tài liệu liên quan đến quá trình đăng ký đất đai trước đây phần lớn thiếu độ tin cậy nên quá trình xem xét, xử lý từng hồ sơ cụ thể gặp nhiều khó khăn.

*c. Giải pháp thực hiện:*

+ Phải xác định rõ việc công nhận lại diện tích đất ở cho người dân là trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền cấp huyện, cấp xã và trực tiếp là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền tại địa phương. Do đó, cấp ủy, chính quyền cấp huyện, cấp xã phải tích cực vào cuộc một cách quyết liệt, thay đổi về giải pháp tổ chức thực hiện và phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện tại địa phương.

+ Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức hội thảo với các huyện, thành phố, thị xã , các sở ngành để thống nhất các giải pháp thực hiện nhằm đẩy nhanh tiến độ.

+ Yêu cầu các địa phương làm tốt công tác tuyên truyền chủ trương đến rộng rãi trong nhân dân; triển khai thực hiện kê khai đăng ký đồng loạt, chỉ đạo UBND cấp xã gửi phiếu kê khai nhu cầu đến từng hộ, làm rõ nhu cầu cần công nhận lại của từng hộ; bên cạnh đó phân công trách nhiệm rõ ràng; hàng tuần, hàng tháng tổ chức giao ban soát xét công việc.

+ Quá trình thực hiện, phân loại hồ sơ cụ thể, trường hợp hồ sơ đầy đủ nguồn gốc, đúng quy định thì ưu tiên xét duyệt và trình trước; những trường hợp nguồn gốc chưa rõ ràng, cần thời gian xác minh thì làm sau; không vì một số hồ sơ vướng mắc làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết các hồ sơ khác.

+ UBND tỉnh đã giao Sở TN và MT tập trung chỉ đạo các địa phương thực hiện hoàn thành theo lộ trình từ nay đến năm 2020, để phấn đấu cơ bản hoàn thành các nội dung công việc này theo kế hoạch UBND tỉnh giao tại Quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh;

Tiếp tục nghiên cứu thsm mưu sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh về việc Ban hành quy định, điều kiện, hạn mức và trình tự, thủ tục công nhận lại diện tích đất ở cho các thửa đất có vườn ao gắn liền với đất ở có nguồn gốc sử dụng trước ngày 18/12/1980 cho phù hợp với thực tế.

**Câu hỏi 4:** Thực trạng cấp đất trái thẩm quyền trên địa bàn tỉnh hiện nay. Nguyên nhân và giải pháp.

**Trả lời:**

***4.1. Thực trạng***

Thực hiện Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 13/7/2012 của UBND tỉnh về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình cá nhân được giao đất làm nhà ở sai thẩm quyền. Thời gian qua, các địa phương đã rà soát và giải quyết cấp được 9.765 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên tổng số 10.027 trường hợp được giao đất trái thẩm quyền, đạt 98,1%; còn lại 262 trường hợp chưa giải quyết được, nguyên nhân chủ yếu do các vướng mắc như: không phù hợp quy hoạch, giao đất không đúng đối tượng, tranh chấp đất đai, chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính, không có đất trên thực địa, chủ hộ không phối hợp xử lý hồ sơ hoặc vắng mặt tại địa phương (những trường hợp này, Sở Tài nguyên và Môi trường đã hướng dẫn các địa phương lập biên bản kết thúc giải quyết). Sau khi hoàn thành cấp GCNQSD đất cho người dân, UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND cấp huyện, cấp xã xem xét xử lý trách nhiệm các cán bộ có liên quan. Như vậy, tồn đọng về đất đai tại các địa phương do giao đất sai thẩm quyền trên địa bàn tỉnh đã cơ bản được giải quyết.

Tuy vậy, sau thời điểm thực hiện Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 13/7/2012 của UBND tỉnh về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình cá nhân được giao đất làm nhà ở sai thẩm quyền. Giai đoạn từ khi Luật đất đai 2013 có hiệu lực thi hành qua việc kiểm tra, thanh tra, theo dõi (qua báo chí và đường dây nóng phản ánh) phát hiện vẫn còn tình trạng tại các địa phương, tổ chức cho các tổ chức, hộ gia đình cá nhân sử dụng đất khi chưa có cơ quan có thẩm quyền cho phép, giao đất, cho thuê đất không đúng thẩm quyền; cụ thể:

*a. Về giao đất sai thẩm quyền:*

Thực hiện chỉ đạo của Thường trực HĐND tỉnh khóa XVII tại kỳ phiên thứ 36 yêu cầu giải trình việc cấp GCNQSD đất, đặc biệt là đất ở sử dụng trước ngày 18/12/1980; thực trạng giao đất trái thẩm quyền trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 6374/UBND-NL2 ngày 25/9/2019 về việc Thanh tra, kiểm tra tổng thể, xử lý sai phạm trong giao đất trái thẩm quyền, đồng thời yêu cầu Chủ tịch UBND cấp huyện thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra tổng thể việc giao đất trái thẩm quyền của các địa phương; giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Thanh tra tỉnh thiết kế đề cương, biểu mẫu, kiểm tra, hướng dẫn các địa phương thực hiện.

Ngày 04/10/2019 Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành văn bản số 2948/STNMT-TKĐĐ về việc ban hành đề cương báo cáo; ngày 29/10/2019 Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục ban hành văn bản số 3263/STNMT-TKĐĐ ngày 29/10/2019 về việc đôn đốc các trường hợp giao, cho thuê đất trái thẩm quyền. Kết quả triển khai thực hiện của các địa phương đến ngày 30/10/2019 như sau:

Qua tổng hợp trên 06 đơn vị cấp huyện có báo cáo số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường đến ngày 30/10/2019 (gồm: Thạch Hà, Nghi Xuân, Hồng Lĩnh, Can Lộc, Kỳ Anh và Lộc Hà) thì có 1.308 hộ được giao đất sai thẩm quyền, trong đó:

- Giai đoạn trước ngày 30/4/2013 có 968 hộ/1001 lô đất được giao, diện tích giao 50 ha.

- Giai đoạn từ ngày 30/4/2013 đến 01/7/2014 có 46 hộ/51 lô đất được giao đất sai thẩm quyền, với diện tích 3,1 ha.

- Giai đoạn sau ngày 1/7/2014 có 99 hộ được giao đất sai thẩm quyền, với 111 lô đất, diện tích 2,9ha (gồm: *Huyện Kỳ Anh 98 hộ/110 lô đất, huyện Can Lộc 1 hộ/1 lô đất);*

*b. Cho thuê đất sai thẩm quyền* *(rà soát Theo Văn bản số 6374/UBND-NL2 ngày 25/9/2019 của UBND tỉnh)*

- Cho thuê đất đối với hộ gia đình, cá nhân: Theo báo cáo của các đơn vị cấp huyện thì đến nay có 4 huyện có báo cáo các trường hợp cho thuê đất sai thẩm quyền trên 50 đơn vị cấp xã với số lượng 852 hộ, diện tích cho thuê 99,42 ha, (gồm: Huyện Can Lộc, Thạch Hà, Kỳ Anh và Lộc Hà); các huyện còn lại chưa có báo cáo.

- Cho thuê đất đối với tổ chức: 01 tổ chức, với diện tích 0,36 ha *(huyện Lộc Hà);*

***4.2. Về nguyên nhân phát sinh giao đất trái thẩm quyền tại các địa phương thời gian qua, đó là:***

- Do một số cấp ủy, chính quyền cấp huyện, cấp xã đã buông lỏng quản lý; trong khi đó ngành chuyên môn thiếu kiểm tra, giám sát nên không kịp thời phát hiện, xử lý tại các địa phương. Một số cán bộ cấp thôn, xã thiếu cập nhật các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước nên còn nhiều hạn chế trong nhận thức dẫn đến có các hành vi tùy tiện, thậm chí vi phạm pháp luật.

- Việc xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có sai phạm trong quá trình thực hiện Quyết định 2005 chưa nghiêm khắc, chưa có tính răn đe, nhất là các trường hợp cán bộ, đảng viên không còn tại vị nên các địa phương tiếp tục sai phạm.

- Do áp lực về cân đối thu chi ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ chính trị, xã hội tại cơ sở (thôn, xã) hoặc lợi dụng chủ trương tạo nguồn thu để xây dựng nông thôn mới dẫn đến việc chính quyền cấp xã, Ban cán sự thôn, xóm thường chọn giải pháp bán đất để trang trải các khoản chi phí. Nội dung này Sở Tài nguyên và Môi trường đang chỉ đạo UBND cấp huyện kiểm tra thông tin phản ánh để giải quyết cụ thể.

***4.3. Về giải pháp khắc phục:***

Nội dung này, Thường trực HĐND tỉnh đã giao UBND tỉnh kiểm tra, rà soát, xử lý. UBND tỉnh đã có Văn bản số 6374/UBND-NL ngày 25/9/2019 về việc thanh tra, kiểm tra tổng thể xử lý sai phạm trong việc giao đất trái thẩm quyền tại các địa phương, theo đó giao các địa phương, Sở TN&MT lập đoàn thanh tra, rà soát, xử lý việc giao đất, cho thuê đất trái thẩm quyền tại các địa phương. Hiện nay, các địa phương và Sở Tài nguyên và Môi trường đã và đang thành lập đoàn kiểm tra, thanh tra, xử lý theo chỉ đạo của UBND tỉnh và Thường trực HĐND tỉnh.

Các giải pháp để xử, chấn chỉnh công tác này:

+ Tăng cường kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng đất ở cấp xã để kịp thời phát hiện, xử lý ngay từ đầu. Khi phát hiện có dấu hiệu sai phạm phải tổ chức kiểm tra ngay, nghiêm khắc xử lý trách nhiệm (nếu có) của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền tại địa phương, nếu có dấu hiệu hình sự chuyển cơ quan điều tra để giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Cương quyết không xem xét giải quyết hợp thức hóa cho các trường hợp giao đất sai thẩm quyền sau ngày 01/7/2014.

**Câu hỏi 5:** Vấn đề thu phí vệ sinh, xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn. Kết quả, tồn tại, nguyên nhân và giải pháp.

**Trả lời:**

 ***5.1. Kết quả thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt theo Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của UBND tỉnh:***

Theo số liệu thống kê, báo cáo của các địa phương, tổng kinh phí thu được từ giá dịch vụ trong năm 2018 là 48.272 triệu đồng; Trong đó, kinh phí thu từ hộ không kinh doanh: 36.391 triệu đồng; thu từ hộ kinh doanh và đối tượng khác: 11.881 triệu đồng. Trong đó, một số địa phương có thu được tương đối đồng đều tất cả các đối tượng thu ở cả khu vực đô thị và nông thôn (thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh, huyện Nghi Xuân, Lộc Hà, thị xã Kỳ Anh, Cẩm Xuyên) và khu vực đô thị (thị trấn tại các huyện Can Lộc, Thạch Hà, Đức Thọ, Hương Sơn, Vũ Quang). Một số địa phương tỷ lệ thu thấp nhất như huyện Hương Khê, Vũ Quang. Các địa phương còn lại tỷ lệ xã triển khai thu giá dịch vụ không cao. Nhìn chung kết quả thu được thực tế so với chỉ tiêu các địa phương đề ra trong đề án đã được phê duyệt đạt tỷ lệ thấp, khoảng 73,6%.

***5.2. Tồn tại, hạn chế:***

Nhìn chung kết quả thu giá dịch vụ thực tế thu được so với chỉ tiêu các địa phương đề ra trong đề án đã được phê duyệt đạt tỷ lệ thấp, khoảng 73,6%. Nguyên nhân là do: Nhận thức về việc thu giá dịch vụ của chính quyền các cấp ở một số địa phương chưa rõ ràng; việc quản lý công tác thu giá dịch vụ của chính quyền chưa chặt chẽ; Ý thức chấp hành, tuân thủ việc đóng nộp của một số bộ phận người dân, doanh nghiệp, cơ quan đơn vị, trường học, ban quản lý chợ còn thấp và chưa có chế tài để xử lý đối với các đối tượng không chấp hành; Đồng thời, nhiều địa phương đang gặp khó khăn ở khâu xử lý, khu xử lý chưa đảm bảo, người dân đang tự xử lý tại hộ gia đình hoặc tự đưa đến tập kết tại điểm trung chuyển, do đó hộ dân không đóng nộp giá dịch vụ; Ngoài ra, quy định về giá dịch vụ theo Quyết định 33 còn bất cập (bước giá đối với hộ phát sinh rác dưới 1m3/tháng là quá lớn, dẫn đến không công bằng; chưa thu được đối với các trường hợp đám cưới, đám giỗ, liên hoan...có phát sinh lượng rác thải lớn).

***5.3. Giải pháp***

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các địa phương:

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quyết định 33, cụ thể: Quy định thêm một số đối tượng nộp giá dịch vụ như đám cưới, đám tang, đám giỗ, liên hoan, tiệc lớn...; Chia nhỏ bước giá đối với đối tượng phát sinh rác dưới 1m3/tháng (từ 0,1- dưới 0,5 m3/tháng; 0,5 đến dưới 1 m3/tháng); Chỉnh sửa một số thuật ngữ trong quyết định cho chặt chẽ hơn (“*phòng khám đa khoa”, “hộ kinh doanh, buôn bán”; khu chung cư, nhà ở xã hội, phòng trọ...)*.

- Tổ chức tập huấn cho các địa phương để hướng dẫn cụ thể việc thu giá dịch vụ đảm bảo đúng quy định.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn, vận động người dân ý thức chấp hành đóng nộp giá dịch vụ, thực hiện nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền, người hưởng dịch vụ phải trả chi phí”, vừa trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ nguồn thải phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.

- Hoàn thiện, đồng bộ hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải. Theo đó, đồng bộ từ quy trình thu gom đến xử lý; thực hiện hiệu quả các giải pháp, tập trung xử lý rác tại các địa điểm đã được đầu tư; nâng cấp, đầu tư mới một số lò đốt để đảm bảo xử lý rác tại địa phương, một số địa phương chưa có khu xử lý thì phải hợp đồng với các cơ sở xử lý trong tỉnh để xử lý rác thải đảm bảo môi trường (trong thời gian tỉnh chưa có Nhà máy xử lý rác thải tập trung theo công nghệ hiện đại - đốt rác phát điện).

**Câu hỏi 6:** Việc điều chỉnh quy hoạch đất trồng cây cao su của Công ty Cao su Hà Tĩnh và điều chỉnh quy hoạch đất của Dự án Bò Bình Hà trên địa bàn một số xã thuộc huyện Cẩm Xuyên, Kỳ Anh như thế nào. Hiện nay, người dân một số xã đang tự ý chiếm dụng đất để trồng keo, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho biết giải pháp trong thời gian tới.

**Trả lời:**

*6.1 “Việc điều chỉnh quy hoạch đất trồng cây cao su của Công ty Cao su Hà Tĩnh trên địa bàn huyện Cẩm Xuyên, Kỳ Anh. Hiện nay, người dân một số xã đang tự ý chiếm dụng đất để trồng keo trên đất công ty quản lý, đề nghị UBND tỉnh cho biết giải pháp thời gian tới”:*

*a. Về điều chỉnh quy hoạch phát triển cây cao su trên địa bàn Cẩm Xuyên, Kỳ Anh:* UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện rà soát, điều chỉnh đưa ra khỏi Quy hoạch phát triển cây cao su tỉnh đến năm 2020 đối với toàn bộ diện tích đất (4.259ha) đã quy hoạch trên địa bàn 2 huyện Kỳ Anh và Cẩm Xuyên *(tại Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 14/5/2015)* để phát triển chăn nuôi, trồng cỏ và sản xuất nông lâm nghiệp. Đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn 02 huyện Kỳ Anh và Cẩm Xuyên không có diện tích đất quy hoạch phát triển cây cao su.

*b. Về nội dung xử lý người dân một số xã đang tự ý chiếm dụng đất để trồng keo trên diện tích Công ty cao su Hà Tĩnh quản lý tại huyện Kỳ Anh:*

\* Tình hình, kết quả xử lý đến nay:

- Vào tháng 3/2018, qua kiểm tra tại các Tiểu khu 402, 403, xã Kỳ Lạc, huyện Kỳ Anh đã xãy ra tình trạng một số người dân tự ý chiếm dụng đất của công ty để trồng keo. Tổng diện tích đã bị lấn chiếm khoảng 229 ha *(trong đó khoảng 81 ha đã trồng cây Keo)*, Đối tượng lấn chiếm là một số hộ dân 03 thôn: Lạc Thanh, Lạc Vinh, Lạc Trung, xã Kỳ Lạc, huyện Kỳ Anh.

- Sau khi phát hiện xảy ra vi phạm, UBND tỉnh đã ban hành 08 văn bản chỉ đạo các Sở, ngành, UBND huyện Kỳ Anh, Công ty TNHH MTV Cao su Hà Tĩnh triển khai đồng bộ các giải pháp về công tác tuyên truyền, tiến hành kiểm tra, ngăn chặn, xử lý các vi phạm; đồng thời, tổ chức làm việc với Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, các sở ngành liên quan, chính quyền địa phương để chỉ đạo xử lý.

- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Mỗi trường đã chỉ đạo, hướng dẫn UBND huyện Kỳ Anh, UBND xã Kỳ Lạc, Công ty TNHH MTV cao su Hà Tĩnh đã tổ chức tuyên truyền, vận động, đối thoại với người dân các thôn. Công an huyện, Hạt Kiểm lâm phối hợp UBND xã Kỳ Lạc tiến hành điều tra, nắm tình hình, xác định các đối tượng tổ chức, lôi kéo, kích động người dân; tổ chức thống kê, lập biên bản các hộ vi phạm, lập danh sách; hướng dẫn UBND xã, Nông trường cao su Kỳ Lạc lập đầy đủ hồ sơ vi phạm và xử lý đúng quy định của Pháp luật.

- UBND huyện cùng UBND xã Kỳ Lạc đã tổ chức 01 cuộc đối thoại tại thôn Lạc Thanh; tổ chức 04 cuộc họp tại các thôn để trả lời các thắc mắc của người dân về việc quản lý sử dụng đất và tuyên truyền vận động người dân không lấn chiếm đất của Công ty TNHH MTV Cao su Hà Tĩnh. Đã tổ chức 04 cuộc hội nghị bàn giải pháp giải quyết tình trạng lấn chiếm đất của Nông trường Cao su Kỳ Lạc; chỉ đạo UBND xã Kỳ Lạc, các đoàn thể của xã tổ chức 06 cuộc đi vận động các hội viên, đoàn viên của mình không tham gia vi phạm lấn chiếm và di dời cây trồng trái phép. Chỉ đạo UBND xã mời các đối tượng vi phạm lên làm việc và ban hành 05 thông báo di dời cây trồng trái phép.

- Về xử lý các đối tượng vi phạm: Đến nay đã hoàn thiện hồ sơ theo quy định để thực hiện cưỡng chế đối với 22 hộ lấn chiếm, trồng cây trái phép tại thời điểm 08/8/208 đến 20/8/2018 và phía chủ rừng đang hoàn thiện hồ sơ (biên bản, xác định ranh giới, diện tích và vị trí) của các hộ còn lại để phối hợp với chính quyền địa phương xử lý theo quy định. UBND xã Kỳ Lạc đã ban hành 22 Quyết định xử lý buộc khăc phục hậu quả di dời cây trồng trái phép, trả lại đất lấn chiếm; ban hành 21 Quyết định cưỡng chế đối với 21 hộ lấn chiếm đã trồng keo tràm trên đất lấn chiếm tại thời điểm 08/8/2019 đến 20/8/2018.

\* Giải pháp thời gian tới: Tiếp tục chỉ đạo Công ty TNHH MTV cao su Hà Tĩnh (Chủ rừng) triển khai thực hiện nghiêm các nội dung, phương án quản lý, sử dụng đất đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 24/01/2017, trong đó chủ động phối hợp với UBND huyện Kỳ Anh, UBND xã Kỳ Lạc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, quản lý đất và rừng, kịp thời ngăn chặn không để phát sinh thêm vi phạm; tuyên truyền, vận động người dân tuân thủ pháp luật về quản lý đất đai để người dân hiểu và chấp hành. Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 2125/UBND-NL ngày 11/4/2019, Văn bản số 1442/UBND-NL3 ngày 15/3/2019, …

*6.2.* *Về nội dung “Điều chỉnh quy hoạch đất của Dự án Bò Bình Hà trên địa bàn một số xã thuộc huyện Cẩm Xuyên, Kỳ Anh. Hiện nay, người dân một số xã tự ý chiếm dụng đất để trồng keo, đề nghị UBND tỉnh cho biết giải pháp thời gian tới”:*

*a. Về tình hình hiện trạng quản lý, sử dụng đất và điều chỉnh quy hoạch đất vùng dự án Bò Bình Hà:*

- Dự án chăn nuôi bò Bình Hà đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương, giới thiệu địa điểm đầu tư lần đầu tại Quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 15/4/2015, với diện tích đất khảo sát khoảng 6.119,28ha; được điều chỉnh giảm diện tích chấp thuận đầu tư xuống còn 2.163,5 ha *(tại Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 12/01/2016*). Tổng diện tích đất theo kết quả đo vẽ hiện trạng sử dụng vùng dự án là 2.368ha, gồm: 1.130ha*(Cẩm Xuyên 617ha; Kỳ Anh 513ha*) đã hoàn thành thực hiện giải phóng mặt bằng và đưa vào sử dụng và 1.238ha*(gồm: Cẩm Xuyên 962 ha; Kỳ Anh 277ha)* chưa thực hiện giải phóng mặt bằng. Công ty Bình Hà đã đầu tư xây dựng chuồng trại, các công trình phụ trợ theo quy hoạch mặt bằng sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt; nhập bò giống về và đưa vào sản xuất chăn nuôi từ tháng 10/2015; tuy nhiên kể từ ngày 22/01/2019 đến nay, Công ty Bình Hà đang gặp khó khăn, không còn tổ chức sản xuất chăn nuôi, chuồng nuôi tại 02 khu vực dự án đang bỏ trống; tổng diện tích Công ty đã trồng chuỗi đến tháng 3/2019 là 212,31ha *(Cẩm Xuyên 172,31ha; Kỳ Anh 40ha).*

- Trước khó khăn của dự án, thời gian qua UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản tập trung chỉ đạo thực hiện, như Văn bản số 2611/UBND-NL ngày 02/5/2019, Văn bản số 4804/UBND-NL ngày 22/7/2019 giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan tiếp tục tiến hành rà soát, đánh giá tổng thể Dự án chăn nuôi bò giống và bò thịt của Công ty Bình Hà tại huyện Cẩm Xuyên, Kỳ Anh, căn cứ các quy định hiện hành, tham mưu UBND tỉnh phương án xử lý. Tuy nhiên, hiện nay Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an đang điều tra vụ án hình sự tại Công ty chăn nuôi Bình Hà, nên các hoạt động điều hành, xây dựng phương án tái cơ cấu SXKD của công ty đang tạm dừng.

- Ngày 06/10/2019, Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức làm việc với Lãnh đạo Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV). Sau cuộc họp, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) có Văn bản số 1032/BIDV-QLRRTD ngày 18/10/2019 về việc đề xuất một số nội dung liên quan đến Dự án Chăn nuôi bò giống và bò thịt tại Hà Tĩnh của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Bình Hà, trong đó có đề xuất Công ty Bình Hà hợp tác với Công ty DO HOLDINS tiếp tục triển khai thực hiện phương án, dự án đầu tư. Hiện nay, UBND tỉnh đã có Văn bản số 2700/UBND-NL ngày 20/10/2019 giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương kiểm tra, soát xét, căn cứ quy định hiện hành và điều kiện thực tế đề xuất phương án xử lý các kiến nghị của ngân hàng BIDV.

Thời gian tới, sau khi có kết luận của Cơ quan cảnh sát điều tra và báo cáo phương án tham mưu của Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương liên quan làm việc với Công ty để có phương án xử lý theo quy định. Trước mắt, UBND tỉnh đang tiếp tục chỉ đạo các địa phương, đơn vị triển khai các nhiệm vụ, giải pháp sau:

+ *Đối với diện tích 1.130ha đã hoàn thành bồi thường, GPMB và đưa vào sử dụng*: Giao Công ty Bình Hà chủ trì, phối hợp chính quyền địa phương *(huyện, xã)* và các đơn vị có liên quan tổ chức quản lý chặt chẽ diện tích đất nói trên, tuyệt đốikhông để người dân lấn, chiếm sử dụng trái phép *(cho đến khi Cơ quan Cảnh sát điều tra có kết luận và công ty Bình Hà tìm kiếm được đối tác đầu tư đảm bảo sản xuất kinh doanh hiệu quả, UBND tỉnh sẽ có giải pháp cụ thể đối với diện tích này).*

*+ Đối với diện tích 1.238ha nằm trong vùng dự án nhưng chưa thực hiện giải phóng mặt bằng (gồm:Cẩm Xuyên 962ha; Kỳ Anh 277ha):* Yêu cầu các chủ đất, rừng *(Ban QL Khu bảo tồn thiên nhiên Kẻ Gỗ, Công ty Cao su Hà Tĩnh, UBND các xã có liên quan)* giữ nguyên hiện trạng sản xuất theo đúng quy định; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng; sau khi Công ty Bình Hà có đề án tái cơ cấu được phê duyệt, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các Sở, ngành, chính quyền địa phương và đơn vị có liên quan kiểm tra, soát xét và tham mưu UBND tỉnh phương án xử lý nhằm quản lý, sử dụng có hiệu quả diện tích này.

*b. Về tình hình, kết quả xử lý các vụ việc lấn chiếm đất trên vùng Dự án bò Bình Hà:*

*-* Qua kiểm tra đã xác minh của các ngành chức năng, từ năm 2016 đến nay trong khu vực đất của dự án phát hiện có 68 hộ dân trên địa bàn huyện Kỳ Anh, Cẩm Xuyên lấn chiếm 138,45ha *(thuộc diện tích Công ty Bình Hà đã được UBND tỉnh cho thuê đất)* để trồng keo trái phép, trong đó: Huyện Kỳ Anh Có 27 hộ dân lấn chiếm 13,43ha trên địa bàn 3 xã *(Kỳ Hợp 6,99ha/14 hộ; Kỳ Lâm 0,64ha/03 hộ; Kỳ Tây 5,8ha/10 hộ)* và huyện Cẩm Xuyên: Có 41 hộ dân lấn chiếm 125,02 ha *(Cẩm Quan 16hộ/65,02 ha; Cẩm Mỹ 25 hộ/60ha).*

*\* Tình hình, kết quả xử lý vi phạm đến nay:*

Sau khi sự việc xảy ra, UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo UBND các huyện Kỳ Anh, Cẩm Xuyên kiểm tra, xử lý *(Văn bản số 1813/UBND-NL ngày 01/4/2019)*; chỉ đạo Sở Tài nguyên Môi trường chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Công an tỉnh và địa phương liên quan kiểm tra, rà soát lại tình hình và tham mưu phương án xử lý, báo cáo đề xuất UBND tỉnh *(Văn bản 3355/UBND-NL ngày 27/5/2019)*. Sau Kỳ họp thứ 10, HĐND tỉnh khóa XVII), UBND tỉnh tiếp tục có Văn bản số 4804/UBND-NL ngày 22/7/2019 về chỉ đạo kiểm tra, hướng dẫn ổn định sản xuất, đảm bảo an ninh trật tự tại Dự án chăn nuôi bò của Công ty CP chăn nuôi Bình Hà; kết quả đến nay như sau:

- Tại huyện Kỳ Anh: Chính quyền địa phương *(huyện, xã)* đã phối hợp các ngành, Công ty Bình Hà tổ chức tuyên truyền, vận động người dân chấp hành các quy định về quản lý đất đai; kiểm tra, đo đếm lập biên bản vi phạm; làm việc với các hộ lấn chiếm (04 cuộc) để giải quyết các thắc mắc có liên quan và yêu cầu các hộ di dời cây Keo đã trồng, trả lại đất cho Công ty; tại các buổi làm việc các hộ chấp hành và thống nhất giao cho Công ty Bình Hà chịu trách nhiệm phối hợp với các hộ lấn chiếm di dời cây đã trồng.

- Tại huyện Cẩm Xuyên: UBND huyện đã chỉ đạo các ngành, UBND các xã tổ chức tuyên truyền, vận động người dân di dời cây đã trồng trái phép; đồng thời tổ chức kiểm tra, lập biên bản đình chỉ mọi hoạt động đối với các hộ dân trên diện tích đất đã xâm chiếm, trồng cây; ban hành Văn bản số 1719/UBND-TNMT ngày 19/7/2019 chỉ đạo UBND các xã: Cẩm Quan, Cẩm Mỹ, các Phòng ngành cấp huyện, Công ty Bình Hà tiếp tục đôn đốc thực hiện công tác quản lý, xử lý nghiêm các đối tượng lấn chiếm đất đai và trồng cây trái phép trên vùng đất dự án (lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định, đồng thời yêu cầu các hộ dân chấm dứt ngay hành vi vi phạm, buộc các hộ dân hoàn trả lại nguyên trạng ban đầu để Công ty, chính quyền địa phương quản lý theo quy định).

***\* Các giải pháp tiếp tục triển khai thực hiện thời gian tới:***Tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành và địa phương triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp theo Văn bản số 4804/UBND-NL ngày 22/7/2019, Văn bản số 3355/UBND-NL ngày 27/5/2019 của UBND tỉnh, trong đó tập trung các nội dung:

- UBND các huyện Kỳ Anh, Cẩm Xuyên: Thường xuyên kiểm tra, ngăn chặn tình trạng người dân lấn chiếm đất đai. Chỉ đạo các phòng, ngành chức năng, UBND các xã liên quan tuyên truyền, vận động người dân chấp hành tốt các quy định về quản lý đất đai; khuyến cáo người dân không được vào khu vực dự án để lấn chiếm đất đai trái pháp luật; đồng thời phối hợp, hỗ trợ Công ty ngăn chặn không để phát sinh thêm vi phạm; hoàn chỉnh hồ sơ và xử lý kịp thời, dứt điểm hành vi lấn chiếm đất trái phép trên nói trên.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, các Sở, ngành liên quan thường xuyên đôn đốc, giám sát, nắm bắt tình hình để tham mưu UBND tỉnh phương án xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo Công ty Bình Hà phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan chức năng có liên quan bảo vệ tài sản, đất đai, ... tuyệt đối không để phát sinh thêm lấn chiếm; xử lý dứt điểm số diện tích đã bị người dân lấn chiếm theo quy định pháp luật.

**Câu hỏi 7:** Hầu hết các Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa được đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung, hệ thống thoát nước mưa, chưa có điểm tập kết chất thải rắn tập trung. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho biết nguyên nhân và giải pháp trong thời gian tới.

**Trả lời:**

*7.1. Tình hình chung*

Đến tháng 10/2019, Hà Tĩnh có 23 cụm công nghiệp (CCN) đã được thành lập, quy hoạch chi tiết với tổng diện tích là 606,24 ha, tỷ lệ lấp đầy đạt 61,35%; trong đó 16 CCN đã hoạt động (với 155 dự án) và 07 CCN chưa hoạt động.

*- Về hệ thống xử lý nước thải tập trung*

Trong 16 CCN đã hoạt động, có 05 CCN được đầu tư hệ thống xử lý môi trường, hệ thống nước thải tập trung, trong đó:

+ Đầu tư từ nguồn ngân sách có 03 CCN, gồm: CCN Thạch Kim (Lộc Hà); CCN Phù Việt (Thạch Hà) và CCN Trung Lương (TX Hồng Lĩnh). Hệ thống thu gom nước thải và trạm xử lý nước thải đã hoạt động khá hiệu quả; tuy nhiên, do lưu lượng nước thải ít nên tần suất vận hành trạm xử lý còn hạn chế (4-5 lần/tháng tại CCN Thạch Kim).

+ Đầu tư từ nguồn vốn của doanh nghiệp có 02 CCN: CCN Thái Yên (phần mở rộng) và CCN Kỳ Hưng. Hoạt động của khu xử lý nước thải khá hiệu quả (CCN Thái Yên); còn CCN Kỳ Hưng chưa đánh giá được do chưa có dự án SXKD.

*- Hệ thống thoát nước mưa, điểm tập kết chất thải rắn*

Theo quy hoạch chi tiết CCN đều có quy hoạch hệ thống thoát nước mưa và điểm tập kết chất thải rắn. Tuy nhiên, thực tế trong 16 CCN đã hoạt động, hiện nay:

+ Có 03 CCN có hệ thống thoát nước mưa gồm: CCN Thái Yên, CCN Kỳ Hưng, CCN Thạch Kim. 13 CCN còn lại không có hệ thống thoát nước mưa riêng (sử dụng chung với hệ thống thoát nước thải)

+ Có 05 CCN có điểm tập kết chất thải rắn gồm: CCN Thái Yên, CCN Kỳ Hưng, CCN Thạch Kim, CCN Phù Việt, CCN Trung Lương. 11 CCN không đầu tư điểm tập kết chất thải rắn tập trung.

*- Nguyên nhân*

+ Do nguồn ngân sách bố trí hạn hẹp, vì vậy các địa phương thường ưu tiên hạ tầng thiết yếu như giao thông, cấp thoát nước, chưa quan tâm đúng mức đầu tư hệ thống xử lý nước thải.

+ Đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của các CCN được đầu tư từ ngân sách, chủ yếu chỉ mới thu gom nước thải vào hồ sinh học, chưa có nhà máy xử lý nước thải theo đúng nghĩa nên hiệu quả xử lý thấp.

***7.2. Một số giải pháp trong thời gian tới***

Để đảm bảo *“Các cụm công nghiệp đi vào hoạt động phải có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường”* như Nghị quyết 08-NQ/TU ngày 18/5/2018 của Tỉnh ủy về phát triển CN-TTCN đến năm 2025 và những năm tiếp theo, thời gian tới tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

- Đối với CCN mới: Tiếp tục thực hiện chủ trương xã hội hóa đầu tư hạ tầng CCN nhằm thu hút nhà đầu tư kinh tư, kinh doanh hạ tầng CCN một cách đồng bộ, nhất là khu kỹ thuật đảm bảo đúng quy định như CCN Yên Huy, CCN Cổng Khánh 1, CCN Cổng Khánh 2, CCN Xuân Lĩnh…

- Đối với CCN đã được ngân sách đầu tư (toàn bộ hoặc một phần) nay chuyển đổi sang hình thức xã hội hóa đầu tư: Tiếp tục kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh, quản lý hạ tầng CCN nhằm phát huy hiệu quả hoạt động CCN.

Trường hợp không chuyển đổi được sang hình thức XHH thì ưu tiên bố trí nguồn vốn để đầu tư khu kỹ thuật (như xử lý nước thải, điểm tập kết rác thải rắn) đảm bảo quy định về môi trường.

**Câu hỏi 8:** Việc cấp phép xây dựng, kinh doanh các cửa hàng xăng, dầu hiện nay trên địa bàn tỉnh có phù hợp hay không; nếu chưa phù hợp thì nguyên nhân vì sao và trách nhiệm thuộc về ai; từ những vụ án sản xuất, buôn bán xăng giả thời gian qua ở một số địa phương trong toàn quốc đã gây băn khoăn và dư luận trong Nhân dân về chất lượng xăng, dầu trên địa bàn tỉnh. Đề nghị UBND tỉnh cho biết tình hình, kết quả thực hiện và kiểm tra, kiểm định chất lượng xăng, dầu trên địa bàn tỉnh thời gian qua và các giải pháp để kiểm soát chất lượng xăng, dầu trong thời gian tới.

**Trả lời:**

*8.1. Nội dung này UBND tỉnh đã trả lời trong phiên chất vấn tại kỳ họp thứ 10, HĐND tỉnh khóa XVII;* các nội dung đã triển khai đến thời điểm này:

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Công Thương đã ban hành Kế hoạch số kiểm tra, rà soát công tác quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh năm 2019. Đến nay, đã kiểm tra 104 cửa hàng hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn 13 huyện, thành phố, thị xã. Hiện nay, đang hoàn thiện báo cáo kết quả kiểm tra các cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên địa bàn.

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Công Thương đã tổ chức thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh xăng dầu đối với Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng. Thời kỳ thanh tra: Từ năm 2017 đến thời điểm thanh tra, khi cần thiết có thể xem trước hoặc sau thời kỳ trên. Thời hạn thanh tra: 30 ngày.

UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 3924/UBND-PC1 ngày 18/6/2019 chỉ đạo thành lập đoàn thanh tra và đã lấy 03 mẫu xăng RON 95 – III tại Công ty cổ phần Phúc Lộc Ninh (Thương nhân phân phối xăng dầu) để đi thử nghiệm. Kết quả kiểm tra phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2015/BKHCN và sửa đổi QCVN 01:2017/BKHCN.

*Các giải pháp kiểm soát chất lượng xăng, dầu trong thời gian tới*

- Tăng cường công tác nắm bắt thông tin, tổ chức rà soát, kiểm tra các thương nhân kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh; tổng hợp số liệu tình hình tiêu thụ, cung ứng xăng dầu của các doanh nghiệp đầu mối, phân phối, vận chuyển và kho dự trữ xăng dầu, đối chiếu số liệu tiêu thụ của các cửa hàng bán lẻ xăng dầu; từ đó phát hiện dấu hiệu kinh doanh xăng dầu giả (nếu có) trên địa bàn.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Thông báo số 189/TB-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh về việc công tác dán tem trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu; giám sát hoạt động và triển khai dán tem đối với các cửa hàng xăng dầu phát sinh mới (được cấp GCN đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu).

- Chỉ đạo, giao trách nhiệm cho UBND cấp huyện thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu; chú trọng công tác đấu tranh chống buôn lậu, sản xuất kinh doanh hàng giả; Phối hợp với các sở, ngành, lực lượng chức năng kịp thời xử lý nghiêm hành vi vi phạm pháp luật của các tổ chức, cá nhân có liên quan theo đúng quy định.

**Câu hỏi 9:** Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho biết việc quy hoạch và triển khai thực hiện quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục ngoài công lập trên địa bàn tỉnh ta hiện nay. Việc quy hoạch hiện nay có gì bất cập, nguyên nhân trách nhiệm thuộc về ai và giải pháp trong thời gian tới; việc thu và quản lý sử dụng các khoản thu trong trường học trên địa bàn toàn tỉnh hiện nay như thế nào, có đúng quy định không. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho biết thực trạng, nguyên nhân và giải pháp trong thời gian tới; việc giao chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 của ngành giáo dục và đào tạo đã phù hợp với các địa phương chưa. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho biết thực trạng và giải pháp trong thời gian tới.

**Trả lời:**

*Nội dung này UBND tỉnh đã trả lời trong phiên chất vấn tại kỳ họp thứ 10, HĐND tỉnh khóa XVII;* các nội dung đã triển khai đến thời điểm này:

- Về quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục ngoài công lập: UBND tỉnh đã chỉ đạo các địa phương, Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng Đề án sắp xếp hệ thống trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn. Việc phát triển cơ sở ngoài công lập phụ thuộc nhiều vào nhà đầu tư, điều kiện kinh tế của nhân dân, nên định hướng là khuyến khích các tổ chức và cá nhân mở cơ sở giáo dục ngoài công lập; phấn đấu đến năm 2025 trên toàn tỉnh tối thiểu có khoảng 53 cơ sở giáo dục ngoài công lập (hiện nay đã có 17 trường mầm non, 7 trường phổ thông; 26 nhóm trẻ độc lập).

- Về thu và quản lý các khoản thu trong trường học trên địa bàn tỉnh: Các khoản thu trong trường học hiện nay thực hiện theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 – 2021; Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND ngày 15/7/2017 của HĐND tỉnh quy định mức thu học phí trong các cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh; Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa; Quyết định số 2942/QĐ-UBND ngày 10/10/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm; Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Văn bản số 13373/BTC-QLG ngày 23/9/2016 của Bộ Tài chính về việc triển khai Luật phí và lệ phí đối với các dịch vụ chuyển từ phí sang cơ chế giá thị trường mà Nhà nước không định giá; đồng phục học sinh do cha mẹ học sinh thực hiện (theo Thông tư số 26/2009/TT-BGDĐT ngày 30/9/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về việc mặc đồng phục và lễ phục tốt nghiệp của học sinh, sinh viên); Quỹ Ban đại diện cha mẹ học sinh do Ban đại diện cha mẹ học sinh thu (theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh). Về điều chỉnh mức thu học phí: Chưa thực hiện điều chỉnh, do Luật Giáo dục năm 2019 thay đổi cơ chế quản lý học phí từ năm học 2020-2021; hiện nay, đang chờ Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn.

- Về tuyển sinh vào lớp 10 THPT: Năm học 2019-2020 tuyển vào lớp 10 14.636 học sinh, trong đó học tại trường THPT công lập 14.192 học sinh, đạt 75,2%. Năm học 2020-2021 tiếp tục giảm chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập theo lộ trình thực hiện Nghị quyết số 96/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Phát triển giáo dục mầm non và phổ thông tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo và Quyết định 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025”. Nghiên cứu phương thức tổ chức tuyển sinh đúng quy định của Bộ GD&ĐT theo hướng học sinh lớp 9 vào học lớp 10 THPT công lập phải qua thi và xem xét việc quy định điểm sàn tuyển sinh đầu vào lớp 10 THPT công lập.

**II. Đối với các lĩnh vực, nhóm vấn đề dự kiến không chất vấn trực tiếp tại Kỳ họp**

**Câu hỏi 1.** Thời gian qua, tình trạng vi phạm phạm vi bảo vệ đê điều, kè bảo vệ bờ sông, bờ biển và các công trình thủy lợi diễn ra khá phổ biến, một số nơi rất nghiêm trọng nhưng chưa được xử lý nghiêm theo quy định tại Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho biết nguyên nhân và giải pháp khắc phục trong thời gian tới.

*1.1 Về công tác tham mưu thực hiện, tình hình, kết quả kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về lĩnh vực thủy lợi, đê điều và phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh đến nay:*

Sau kỳ họp thứ 10, HĐND tỉnh; UBND tỉnh đã ban hànhVăn bản số 4753/UBND-NL1 ngày 17/7/2019 chỉ đạo kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về lĩnh vực thủy lợi, đê điều, PCTT trên địa bàn tỉnh. Đến nay, công tác kiểm tra đã hoàn thành, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 6053/UBND-NL1 ngày 12/9/2019 chỉ đạo các địa phương, đơn vị thực hiện nghiêm việc xử lý vi phạm, cụ thể như sau:

*a. Tình hình, kết quả xử lý vi phạm pháp luật về đê điều, thủy lợi đến nay:*

- Về đê điều: Tổng số vụ vi phạm pháp luật về đê điều là 759 vụ, trong đó phân theo loại hình vi phạm: Xây dựng nhà ở kiên cố, nhà tạm, ki ốt có 400 vụ; xây dựng các mô hình trang trại, đào ao nuôi trồng thủy sản 109 vụ; trồng cây lâu năm, dựng lều quán, đổ chất thải, rác thải; tập kết vật liệu có 250 vụ. Phân theo nhóm nguyên nhân diễn ra vi phạm: (i) vi phạm do lịch sử để lại 605 vụ; (ii) vi phạm xẩy ra phổ biến 147 vụ; (iii) vi phạm có tính chất phức tạp, kéo dài có 7 vụ

- Về thủy lợi: Tổng số vụ vi phạm là 1.173 vụ, trong đó phân theo loại hình vi phạm: Xây dựng nhà ở kiên cố, nhà tạm, ki ốt có 90 vụ; xây dựng các mô hình trang trại, đào ao nuôi trồng thủy sản 151 vụ; trồng cây lâu năm, dựng lều quán, đổ chất thải, rác thải; tập kết vật liệu có 932 vụ. Phân theo nhóm nguyên nhân diễn ra vi phạm: (i) vi phạm do lịch sử để lại 436 vụ; (ii) vi phạm phổ biến 713 vụ; (iii) vi phạm có tính chất phức tạp, kéo dài có 24 vụ.

- Các hình thức đã xử lý: Thời gian qua để tổ chức ngăn chặn, xử lý vi phạm pháp luật về lĩnh vực thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai có hiệu quả; Chính phủ đã ban hành Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 49/2018/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 về quy chế phối hợp giữa các ngành, các cấp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh. Tuy vậy, các vi phạm pháp luật về thủy lợi, đê điều gần như chưa được xử lý triệt để, mới chỉ dừng ở mức lập biên bản vi phạm, chưa áp dụng các chế tài xử phạt vi phạm hành chính theo quy định Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ và quy chế phối hợp đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 49/2018/QĐ-UBND ngày 06/12/2018.

*b. Nguyên nhân và trách nhiệm cụ thể theo nhóm vi phạm:*

- Đối với nhóm các vi phạm công trình do lịch sử để lại như: Công trình, đất đai, tài sản của các tổ chức, cá nhân hiện có nằm trong hành lang bảo vệ của công trình thủy lợi, đê điều:

 + Về nguyên nhân chủ yếu do trước khi đầu tư xây công trình thủy lợi, đê điều các chủ đầu tư chỉ thực hiện giải phóng mặt bằng tuyến công trình (phần nằm trong phạm vi xây dựng) còn phạm vi hành lang bảo vệ công trình theo quy định của Luật Đê điều, luật Thủy lợi thì không được giải phóng; vì vậy đất đai, tài sản của các hộ dân có hợp pháp theo luật định vẫn nằm trong phần hành lang bảo vệ công trình.

 + Về trách nhiệm: Theo quy định của Luật Thủy lợi, Luật Đê điều*“công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều không ảnh hưởng đến an toàn, năng lực phục vụ của công trình thì được tiếp tục sử dụng nhưng không được mở rộng quy mô hoặc thay đổi kết cấu”; “Tổ chức, cá nhân có công trình, nhà ở phải di dời được xem xét bồi thường thiệt hại hoặc hỗ trợ kinh phí theo quy định của pháp luật”.* Do số lượng của loại này là rất lớn (1.041 vụ), nếu thực hiện theo quy định thì Ngân sách tỉnh và địa phương không thể đáp ứng được.

 - Đối với nhóm các loại vi phạm công trình phổ biến: Như sử dụng mái đê, đập và hành lang bảo vệ công trình đê điều, công trình thủy lợi để trồng cây, dựng lều quán, xây dựng hàng rào, trồng cột điện, đổ chất thải, rác thải, tập kết vật liệu xây dựng nhưng chưa thực sự ảnh hưởng đến an toàn công trình*:*

 + Về nguyên nhân: Do nhận thức của một bộ phận người dân chưa đúng theo quy định của pháp luật về bảo vệ đê điều, công trình thủy lợi; công tác tuyên tuyền chấp hành Pháp luật của các địa phương, đơn vị chưa tốt, thiếu kiểm tra, phát hiện ngăn chặn kịp thời và xử lý ngay từ khi mới phát sinh; đặc biệt là không thực hiện nghiêm túc quy định tại Quyết định số 49/2018/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 của UBND tỉnh ban hành quy chế phối hợp trong việc phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật công trình thủy lợi, đê điều và phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

 + Về trách nhiệm: đối với loại hình vi phạm này thường xuyên xảy ra, tài sản có giá trị không lớn, khi lực lượng chức năng phát hiện, xử lý thì thiếu tính hợp tác nên không xử lý được dứt điểm; về trách nhiệm chính là của chính quyền một số địa phương, đơn vị còn buông lỏng trong công tác quản lý, thường né tránh trách nhiệm; hầu hết các vụ vi phạm mới chỉ dừng ở khâu kiểm tra và lập biên bản nhắc nhở; không tổ chức xử phạt vi phạm theo quy định tại Nghị định 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.

 - Đối với nhóm các vụ vi phạm có tính chất phức tạp, kéo dài qua nhiều năm, ảnh hưởng đến an toàn công trình và khả năng tiêu thoát lũ: Đây là các vụ vi phạm phức tạp đã được các cơ quan chức năng kiểm tra, đôn đốc và UBND tỉnh đã có nhiều văn bản chỉ đạo nhưng đến nay vẫn chưa được xử lý dứt điểm.

 + Về nguyên nhân, ngoài các nguyên nhân như đã nêu ở nhóm (b) còn có một số nguyên nhân khác như: Một số chính quyền địa phương cấp xã do thực hiện chuyển đổi kinh tế trong sản xuất nông nghiệp phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới đã cho phép các tổ chức, cá nhân thuê, cho mượn đất vùng bãi sông, đất trong hành lang bảo vệ các công trình đê điều, công trình thủy lợi để lập các dự án chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, trồng trọt; đặc biệt một số hộ dân còn được chính quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc cấp phép hoạt động trái thẩm quyền trong phạm vi công trình thủy lợi, đê điều; khi cơ quan quản lý đến làm việc gặp rất nhiều khó khăn. Lực lượng cán bộ kỹ thuật quản lý công trình thủy lợi, đê điều ở địa phương còn thiếu và yếu. Ngoài ra còn do các công trình đê điều, thủy lợi được đầu tư xây dựng đã lâu, đa phần chưa được cắm mốc chỉ giới, mốc hành lang bảo vệ công trình (không có hệ thống mốc chỉ giới) gây nhiều khó khăn cho công tác quản lý và xử lý vi phạm.

 + Về trách nhiệm đối với nhóm vi phạm này mặc dù UBND tỉnh đã có nhiều văn bản chỉ đạo nhưng chưa được xử lý dứt điểm. Để xảy ra tình trạng vi phạm nêu trên trách nhiệm chính trước hết là thuộc về các tổ chức, cá nhân được giao quản lý công trình và chính quyền địa phương cấp xã, cấp huyện không thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, Quy chế phối hợp đã được UBND tỉnh ban hành và các Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh.

 *1.2.Về lộ trình, nhiệm vụ, giải pháp xử lý trong thời gian tới*

Tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thực hiện xây dựng lộ trình, tập trung tham mưu, thực hiện các nội dung, nhiệm vụ về kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về lĩnh vực thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh (theo Văn bản số 6053/UBND-NL1 ngày 12/9/2019 của UBND tỉnh), trong đó:

- Đối với Nhóm các vi phạm công trình do lịch sử để lại: UBND tỉnh sẽ chỉ đạo UBND các huyện, thành phố, thị xã; các Công ty TNHH MTV thủy lợi: Nam Hà Tĩnh, Bắc Hà Tĩnh xây dựng lộ trình cắm mốc hành lang bảo vệ công trình thủy lợi theo đúng quy định của pháp luật, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên và đề xuất thực hiện giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2025.

- Đối với nhóm các loại vi phạm công trình phổ biến hiện nay, như: Sử dụng mái đê, đập và hành lang bảo vệ công trình đê điều, công trình thủy lợi để trồng cây, dựng lều quán, xây dựng hàng rào, trồng cột điện, đổ chất thải, rác thải, tập kết vật liệu xây dựng: UBND tỉnh chỉ đạo Giao UBND các huyện, thành phố, thị xã huy động hệ thống chính trị của địa phương triển khai ra quân thực hiện chiến dịch xử lý dứt điểm các vụ vi phạm pháp luật về thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai trên địa bàn.

- Đối với nhóm các vụ vi phạm có tính chất phức tạp, kéo dài qua nhiều năm, như: Xưởng gỗ trên đê Tả Nghèn, xã Vượng Lộc; đắp ao hồ ở bãi sông cản trở dòng chảy đê Hữu Nghèn, xã Tiến Lộc, huyện Can Lộc; làm xưởng và tập kết gỗ trên đê Tả Nghèn, xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà; cải tạo đê làm chỗ tránh xe, dốc lên đê, xây dựng nhà hàng phía ngoài bãi sông ở xã Thạch Hạ, thành phố Hà Tĩnh; xây dựng cần cẩu trái phép trên mặt đê, mái đê, tập kết vật liệu xây dựng trong hành lang bảo vệ đê điều trên tuyến đê Phúc-Long-Nhượng, huyện Cẩm Xuyên; xây dựng công trình nhà cửa trong phạm vị bảo vệ hồ chứa nước Tàu Voi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh; xây dựng quán kinh doanh ở vai phải đập chính Kẻ Gỗ; nuôi trồng thủy sản không phép ở hồ Đập Bún, xã Bắc Sơn, huyện Thạch Hà....: UBND tỉnh sẽ chỉ đạo UBND các huyện, thành phố, thị xã và các chủ quản lý các công trình thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai trên địa bàn, xử lý dứt điểm trong năm 2019. Sau thời gian trên các địa phương, đơn vị không thực hiện thì người đứng đầu phải chịu trách nhiệm, đồng thời phải tự nhận hình thức xử lý trước UBND tỉnh.

- UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh và cơ quan liên quan kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn UBND các huyện, thành phố, thị xã thực hiện nghiêm túc các nội dung nêu trên; kịp thời tham mưu đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các nội dung thuộc thẩm quyền của tỉnh.

**Câu hỏi 2:** Hiện nay, một số luồng, lạch tại các cửa biển, sông bị bồi lắng nhưng chậm được triển khai nạo vét như Cửa Nhượng (Cẩm Xuyên), Cửa Sót (Lộc Hà), Cửa Khẩu (thị xã Kỳ Anh). Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho biết nguyên nhân và giải pháp trong thời gian tới.

*2.1. Về quy hoạch, tình hình kết quả xúc tiến, thu hút thực hiện đầu tư hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh đến nay*

 *a. Về công tác quy hoạch:* Hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh ta đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015, gồm: 04 khu neo đậu tránh trú bão tàu cá và 04 cảng cá. Trong đó:

- Có 04 khu neo đậu, gồm: Khu neo đậu Cửa Hội - Xuân Phổ có quy mô neo đậu cho 1.200 tàu/600CV *(cấp vùng);* Khu neo đậu Cửa Nhượng - huyện Cẩm Xuyên có quy mô neo đậu cho 300 tàu/300CV, Khu neo đậu Cửa Sót - huyện Lộc Hà có quy mô neo đậu cho 300 tàu/150CV; Khu neo đậu Cửa Khẩu - huyện Kỳ Anh có quy mô neo đậu cho 300 tàu/600 CV.

- 04 cảng cá kết hợp với Khu neo đậu tránh trú bão, gồm: Cảng cá Xuân Hội có quy mô (số lượt tàu ngày/cỡ tàu lớn nhất) 80 lượt/600CV, lượng thủy sản qua cảng 7.000 tấn/năm; cảng cá Cửa Sót 100 lượt/400CV, lượng thủy sản qua cảng 8.000 tấn/năm; cảng cá Cửa Nhượng 100 lượt/400CV, lượng thủy sản qua cảng 8.000 tấn/năm và cảng cá Cửa Khẩu 120 lượt/600CV (cảng cá loại I), lượng thủy sản qua cảng 15.000 tấn/năm.

*b. Tình hình, kết quả xúc tiến, thu hút thực hiện đầu tư đến nay:*

Thời gian qua, triển khaiQuyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các ngành và địa phương liên quan khảo sát lựa chọn địa điểm xây dựng, triển khai dự án đầu tư theo thứ tự ưu tiên, kết quả đến nay:

- Đã đầu tư xây dựng hoàn thiện đưa vào khai thác sử dụng 02 khu neo đậu tránh trú bão, gồm: Khu neo Cửa Nhượng hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng năm 2009, khu neo đậu Cửa Sót hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng năm 2010; 02 khu neo đậu đã hoàn thành (giai đoạn I), gồm: Khu neo đậu Cửa Hội - Xuân Phổ hoàn thành năm 2016 và Cửa Khẩu - thị xã Kỳ Anh hoàn thành năm 2015, hiện đang hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để triển khai đầu tư (giai đoạn 2), theo kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được phê duyệt.

- Đã đầu tư xây dựng hoàn thiện và đưa vào khai thác, sử dụng 02 cảng cá, gồm: Cảng cá Thạch Kim đưa vào khai thác sử dụng năm 2008, cảng cá Xuân Hội đưa vào khai thác sử dụng năm 2014.

- Đã chủ động xúc tiến, thu hút các dự án đầu tư để nâng cấp, nạo vét luồng lạch tại các cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão, cụ thể: Từ năm 2013, đã xúc tiến thu hút Dự án Nạo vét và chỉnh trị luồng vào Cảng và Khu neo đậu tránh trú bão Cửa Sót từ Dự án Quản lý thiên tai (VN-Haz/WB5), dự án đã thi công nạo vét từ tháng 06/2016. Tuy vậy, do nguồn vốn có hạn nên phạm vi nạo vét của tuyến luồng chỉ thực hiện với chiều dài 3.781m và cơ bản bám theo tuyến luồng hiện trạng; cao trình đáy luồng (-3.0m), hệ số m=7.0; chiều rộng đáy luồng từ 30m- 80m (80m là đoạn khu vực trước cảng với chiều dài 375m). Hiện nay, tại Cửa Nhượng và Cửa Khẩu chỉ được nạo vét theo các dự án đầu tư xây dựng trước đây, chưa thu hút, xúc tiến được các dự án khác để nạo vét, khơi thông luồng lạch.

 *2.2. Diễn biến, mức độ bồi lắng một số luồng, lạch tại các cửa sông, cửa biển trên địa bàn tỉnh và nguyên nhân bồi lắng:*

Trong những năm qua hiện tượng bồi lắng ở một số luồng, lạch tại các cửa sông, cửa biển, khu vực các Cảng cá và Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh là tương đối lớn, gây khó khăn cho các phương tiện tàu thuyền ra vào Cảng và Khu neo đậu tránh trú bão.

- Tại Cảng cá Cửa Sót theo kết quả thí nghiệm mô hình thủy lực, hải văn của Phòng thí nghiệm trọng điểm Quốc gia về động lực học sông biển mỗi năm lượng bùn cát bồi lắng nhỏ nhất 12.000m3.

- Sơ bộ nhận định nguyên nhân gây bồi lắng luồng, lạch tại các cửa sông, cửa biển, Cảng và Khu neo đậu tránh trú bão: Hệ thống sông ngòi ở Hà Tĩnh quanh co, ngắn, dốc do vậy thường xuyên gây sạt lở bờ ở thượng nguồn, kéo theo lượng bùn, cát đổ ra các tuyến sông. Hiện tượng bồi lắng chủ yếu xảy ra trong mùa kiệt, khi mực nước trong sông thấp, lưu tốc dòng chảy nhỏ không đẩy được lượng bùn cát nên bùn cát lắng đọng tuyến luồng, lạch, cảng cá và khu vực âu phía trong cảng. Mặt khác về phía biển có các dòng ven bờ khi mùa gió đông bắc thường đẩy cát vào chặn cửa sông gây nên bồi lắng tại cửa vào luồng chính.

*2.3. Nguyên nhân chậm được triển khai nạo vét và giải pháp trong thời gian tới*

*a. Nguyên nhân chậm được triển khai nạo vét:*

- Trước hết, khối lượng bùn, cát bồi lắng ở một số luồng, lạch tại các cửa sông, cửa biển, khu vực các Cảng cá và Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh là tương đối lớn, để triển khai nạo vét cần phải có các dự án đầu tư và nguồn kinh phí lớn, trong khi đó ngân sách của Trung ương và địa phương còn khó khăn. Mặt khác việc lập các dự án nạo vét phải đảm bảo không được gây sạt lở, không làm ảnh hưởng xấu đến sự ổn định lòng, bờ, bãi sông, hồ và phải được cơ quan quản lý tài nguyên nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định tại khoản 1, Điều 63 Luật Tài nguyên nước. Bên cạnh đó đối với các dự án có khối lượng nạo vét từ 500.000 m3/năm trở lên hoặc tổng lượng vật liệu nạo vét từ 10.000.000 m3 trở lên thì phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định và phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

- Trong điều kiện nguồn ngân sách còn hạn hẹp, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT cùng các sở ngành và địa phương liên quan nghiên cứu, xây dựng phương án xã hội hóa nạo vét. Tuy vậy, việc nạo vét bùn cát, khơi thông luồng, khu neo đậu tránh trú bão theo hình thức xã hội hóa, kết hợp tận thu sản phẩm cát chưa triển khai được do Văn phòng Chính phủ đã có Thông báo số [161/TB-VPCP](file:///C%3A%5CUsers%5CDownloads%5Cnao%20vet%5C161TB%20VPCP%20ket%20luan%20cua%20thu%20tuong%20thuong%20truc%20Chinh%20phu%20Truong%20Hoa%20Binh%2024.3.2017.pdf) ngày 24/3/2017 và số [325/TB-VPCP](file:///C%3A%5CUsers%5CDownloads%5Cnao%20vet%5C325%20VPCP%20thong%20bao%20ket%20luan%20cua%20thu%20tuong%20thuong%20truc%20truong%20hoa%20binh%2025.7.2017.pdf) ngày 25/7/2017 chỉ đạo tạm dừng cấp mới các dự án xã hội hóa nạo vét, duy tu các tuyến luồng hàng hải, luồng đường thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm cát; đến ngày 21/6/2019, Bộ Nông nghiệp và PTNT mới có Văn bản số 4307/BNN-PCTT hướng dẫn giải pháp kỹ thuật xử lý sạt lỡ bờ biển, bồi lấp của sông các tỉnh từ Nghệ An đến Bình Thuận.

*b. Giải pháp trong thời gian tới*

 - UBND tỉnh đã Văn bản số 7235/UBND-NL ngày 30/10/2019 chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp các sở, ngành, địa phương kiểm tra, rà soát, xây dựng danh mục các dự án đầu tư nạo vét, nâng cấp cảng cá, nạo vét luồng tại khu neo đậu tránh bão (như: Dự án Nạo vét, nâng cấp cảng cá Cửa Sót và cảng cá Xuân Hội (dự kiến tổng mức 300 tỷ đồng); Nâng cấp cơ sở hạ tầng, nạo vét luồng lạch vũng neo đậu các khu neo đậu tránh trú bão Cửa Sót, Cửa Nhượng (dự kiến 250 tỷ đồng); Dự án đầu tư xây dựng các cảng cá Cửa Khẩu (200 tỷ đồng),…), báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; đồng thời giao Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh tập trung thực hiện tốt các dự án xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng nghề cá để sớm đưa vào khai thác sử dụng theo kế hoạch; trước mắt là đẩy nhanh triển khai các dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng nghề cá từ nguồn bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường của Công ty TNHH Gang thép Hưng nghiệp Formusa theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 44221/BKHĐT-KTNN ngày 28/6/2019 và , Bộ Tài chính tại Văn bản số Văn bản số 7916/BTC-ĐT ngày 11/7/2019). Đồng thời, xem xét ưu tiên xã hội hóa các dự án đầu tư nạo vét và khơi thông các luồng lạch trên địa bàn tỉnh.

- Đối với cảng cá Cửa Sót, xã Thạch Kim, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3483/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 về việc phê duyệt và công bố Danh mục dự án nạo vét vùng neo đậu tàu trước bến và luồng vào cảng cá Cửa Sót, xã Thạch Kim, huyện Lộc Hà và giao Ban Quản lý các Cảng cá tỉnh tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án nạo vét vùng neo đậu tàu trước bến và luồng vào cảng cá Cửa Sót, xã Thạch Kim, huyện Lộc Hà theo quy định tai Mục 3 Chương IV Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ, hướng dẫn tại Văn bản số 4307/BNN-PCTT ngày 21/6/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và các quy định có liên quan để triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả.

 - Đối với các tuyến luồng, lạch trên địa bàn, UBND tỉnh sẽ xem xét giao Sở Giao thông Vận tải tổ chức lập dự án đầu tư trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt sau đó tổ chức lựa chọn các nhà đầu tư thực hiện theo hình thức xã hội hóa thông qua đấu thầu.

**Câu hỏi 3:** Việc đóng cửa di dời nhà máy gạch Tuynel ở thị xã Hồng Lĩnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời tại Kỳ họp thứ 8 HĐND tỉnh khóa XVII. Tuy nhiên đến nay nhà máy vẫn tiếp tục hoạt động làm ảnh hưởng đến môi trường đô thị và tiến độ thu hồi đất thực hiện quy hoạch của thị xã Hồng Lĩnh. Đề nghị UBND tỉnh cho biết nguyên nhân và bao giờ thì nhà máy chấm dứt hoạt động.

**Trả lời:**

UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 4796 /UBND-KT1 ngày 22/7/2019 chỉ đạo các Sở: Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, UBND thị xã Hồng Lĩnh và Công ty CP Trung Đô thực hiện các nội dung cụ thể:

- Yêu cầu Công ty nghiêm túc thực hiện việc ngừng hoạt động và di dời Xí nghiệp gạch Trung Đô Hồng Lĩnh theo Kế hoạch số 277/KH-UBND ngày 25/8/2016 của UBND tỉnh và cam kết của Công ty trong hồ sơ đề xuất dự án đầu tư Nhà máy gạch tuynel đất đồi tại xã Bắc Sơn, huyện Thạch Hà.

- Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan kiểm tra, tính toán, làm rõ về cơ sở pháp lý, mức hỗ trợ, bồi thường cho nhà đầu tư khi chấm dứt hoạt động và thu hồi đất của Dự án (nếu có), phương án xử lý tài sản trên đất, nguồn kinh phí hỗ trợ; báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với UBND thị xã Hồng Lĩnh và các cơ quan liên quan xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu UBND tỉnh đối với các nội dung vượt thẩm quyền liên quan đến lĩnh vực đất đai, hoạt động của Dự án; hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để tiến hành thu hồi đất, chấm dứt hoạt động của Dự án Nhà máy gạch Trung Đô Hồng Lĩnh theo đúng quy định của pháp luật.

Hiện nay các Sở ngành đang tiến hành xem xét hỗ trợ di dời để đảm bảo quyền lợi cho doanh nghiệp phù hợp theo quy định của Pháp luật.

**Câu hỏi 4:** Thời gian qua, nhiều dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh triển khai chậm, không đảm bảo được mục tiêu cam kết ban đầu, kém hiệu quả, để đất hoang hóa, lãng phí. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh làm rõ thực trạng, nguyên nhân, biện pháp và kết quả xử lý khắc phục hậu quả như thế nào.

**Trả lời:**

*- Về cập nhật, công bố, công khai đầy đủ thông tin các quy hoạch đã được duyệt, nhất là các quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất,... trên các phương tiện thông tin đại chúng, công thông tin điện tử của các sở, ngành, địa phương và tại các trung tâm hành chính công tỉnh, huyện giúp nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu để có định hướng trong đầu tư:*

 Chủ tịch UBND tỉnh đã có kết luận tại Thông báo số 354/TB-UBND ngày 15/10/2019; trong đó chỉ đạo Trung tâm Hỗ trợ PTDN và XTĐT tỉnh xây dựng website để đăng tải thông tin; đồng thời giao Sở Tài chính khẩn trương tham mưu việc cấp kinh phí để thực hiện nhằm đảm bảo tính chuyên nghiệp trong việc hỗ trợ doanh nghiệp, xúc tiến đầu tư. Trước mắt, Giao Trung tâm Hỗ trợ PTDN và XTĐT tỉnh phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng 01 chuyên mục trên công thông tin điện tử của Tỉnh để đăng tải phục vụ doanh nghiệp khai thác, nghiên cứu.

 *-* *Về tăng cường công tác rà soát, xử lý các dự án vi phạm:*

 Tính đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn tỉnh có khoảng 1.372 dự án, trong đó: dự án đầu tư trong nước là 1291 dự án, tổng vốn đầu tư khoảng 112.107 tỷ đồng; 81 dự án đầu tư FDI, tổng vốn đầu tư 13,8 triệu USD. Trong 11 tháng đầu năm 2019, có 97 dự án được cấp mới, trong đó 91 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đầu tư 3.810 tỷ đồng và 6 dự án FDI với tổng vốn đầu tư 12,8 triệu USD.

UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 5650/UBND-KT­­1 ngày 23/8/2019 chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã tổ chức rà soát sơ bộ các dự án trên địa bàn tỉnh. Đến nay, đã hoàn thành việc rà soát, với kết quả: Trong tổng 936 dự án rà soát, có 573 dự án đi vào hoạt động, chiếm 61% tổng dự án rà soát; 154 dự án đang hoàn thiện hồ sơ, thủ tục/thi công xây dựng, chiếm 16%; 209 dự án chậm tiến độ, dấu hiệu vi phạm, chiếm 22% (báo cáo tại Văn bản số 2724/SKHĐT-DNĐT ngày 30/10/2019 của Sở). UBND tỉnh đã banh hànhVăn bản 7485/UBND-KT1 ngày 8/11/2019 chỉ đạo thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh; giải pháp nâng cao chất lượng quản lý đầu tư; hiện nay, các đơn vị đang triển khai thực hiện.

Về công tác kiểm tra, hậu kiểm: UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện kế hoạch hậu kiểm các doanh nghiệp, dự án, từ đầu năm 2019; đến nay đã tiến hành rà soát được 136 dự án, 156 doanh nghiệp; xử phạt vi phạm hành chính 220 triệu đồng; thu hồi được 04 dự án và đang tiếp tục làm việc với các nhà đầu tư để xử lý dứt điểm các vi phạm sau kiểm tra, hậu kiểm.

*- Về nâng cao vai trò, trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương, Trung tâm HTPTDN và XTĐT tỉnh trong hướng dẫn, hỗ trợ và giải quyết vướng mắc của nhà đầu tư*: UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tiếp tục xử lý các vướng mắc trong thủ tục hành chính, tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư triển khai dự án, cải thiện môi trường đầu tư của tỉnh tại Thông báo kết luận số 354/TB-UBND ngày 15/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh, Văn bản số 7485/UBND-KT1 ngày 8/11/2019.

**Câu hỏi 5:** Đầu tư, xây dựng các dự án Điện mặt trời là chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam, Chính phủ có cơ chế khuyến khích phát triển và trên địa bàn tỉnh ta thời gian qua đã đầu tư và chuẩn bị đầu tư, xây dựng một số nhà máy Điện mặt trời. Tuy nhiên, cử tri và Nhân dân băn khoăn trong bối cảnh biến đổi khí hậu như hiện nay việc đầu tư các Nhà máy điện mặt trời ở khu vực đất rừng có phù hợp hay không, cần đánh giá kỹ tác động môi trường sinh thái, thiên tai, lũ lụt… Đề nghị UBND tỉnh cho biết thực trạng và giải pháp trong thời gian tới.

**Trả lời:**

 *a. Về thực trạng, số lượng các dự án điện mặt trời đề xuất*

Tính đến thời điểm hiện tại, UBND tỉnh đã đồng ý về mặt nguyên tắc cho phép 08 nhà đầu tư khảo sát, đề xuất 11 địa điểm nghiên cứu xây dựng Nhà máy điện Mặt trời với tổng công suất dự kiến 1.082MWp (tương đương 865,6MW), với tổng diện tích khoảng 1.253,48ha (tỷ lệ sử dụng đất 1,15ha/01MWp), cụ thể:

**-** Số dự án đã được Bộ Công Thương phê duyệt điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch phát triển điện lực: 03 Dự án, tổng công suất: 108MWp (tương đương 86,4MW); tổng diện tích khoảng 129,48ha (tỷ lệ sử dụng đất 1,19ha/01MWp).

**-** Số dự án UBND tỉnh đã trình Thủ tướng/Bộ Công Thương xem xét điều chỉnh, bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực: 04 Dự án, với tổng công suất: 799MWp (tương đương 639,2MW); tổng diện tích khoảng 914ha (tỷ lệ sử dụng đất 1,14ha/01MWp).

- Số dự án UBND tỉnh đồng ý nguyên tắc cho phép Nhà đầu tư nghiên cứu, khảo sát: 04 Dự án, với tổng công suất: 175MWp (tương đương 140MW); tổng diện tích khoảng 210ha (tỷ lệ sử dụng đất 1,2ha/01MWp) (*có Biểu 1 chi tiết kèm theo*).

Ngoài ra, trong thời gian gần đây, UBND tỉnh đang chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý KKT tỉnh chủ trì tham mưu, đề xuất chủ trương, giới thiệu địa điểm cho một số nhà đầu tư quan tâm, đề xuất.

Như vậy, số lượng nhà đầu tư/dự án được UBND tỉnh đồng ý nguyên tắc cho phép nghiên cứu, khảo sát và đề xuất điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển điện lực, tổng công suất đề xuất (dự kiến 1.082MWp tương đương 865,6MW ) không thay đổi so với nội dung đã báo cáo tại Kỳ họp thứ 10. Trong thời gian qua Thủ tướng Chính phủ/Bộ Công Thương chưa xem xét điều chỉnh, bổ sung dự án nào trên địa bàn tỉnh vào Quy hoạch phát triển điện lực.

*b. Nội dung công việc đã triển khai thực hiện trong thời gian qua*

Để tận dụng tối đa ưu điểm nguồn năng lượng tái tạo, thân thiện với môi trường, phù hợp với chủ trương và phát huy được tiềm năng tự nhiên của Tỉnh; bảo đảm an sinh xã hội, môi trường đầu tư; phát huy hiệu quả tối đa khi Dự án đi vào hoạt động, góp phần tăng thu ngân sách cho Tỉnh và cung ứng một phần cho nguồn điện quốc gia, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng trong thời gian qua UBND tỉnh đã chỉ đạo, thực hiện một số nội dung trọng tâm sau:

UBND tỉnh giao Sở Công Thương chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan, rà soát đánh giá thực trạng, tình hình các dự án điện mặt trời đã và đang bổ sung quy hoạch, thực hiện đầu tư trên địa bàn tỉnh. Sau khi phối hợp với Viện Năng lượng (đơn vị tư vấn lập Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia và tỉnh Hà Tĩnh), các sở, ban ngành, địa phương và các đơn vị liên quan rà soát, phân tích, đánh giá tổng thể các nội dung yêu cầu và các công việc đã và đang triển khai, Sở Công Thương đã tổng hợp báo cáo UBND tỉnh tại Văn bản số 218/BC-SCT ngày 05/9/2019. Trong đó tập trung thực hiện một số nội dung sau:

- Đối với Danh mục các dự án đã được điều chỉnh, bổ sung quy hoạch

+ Dự án Nhà máy điện mặt trời Cẩm Hòa (50MWp, Công ty CP điện mặt trời Hà Tĩnh): Tăng cường công tác quản lý, đảm bảo nhà máy và hệ thống đường dây vận hành an toàn, ổn định, phát huy tối đa năng lực sản xuất. Quá trình quản lý, vận hành luôn phải tuân thủ nghiên ngặt quy trình, quy định liên quan, đặc biệt là thực hiện nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

+ 02 dự án (Nhà máy ĐMT Cẩm Hưng, Nhà máy ĐMT Sơn Quang – 29MWp/nhà máy, Công ty GA Power PTE.LTD): Được Bộ Công Thương phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển điện lực tháng 8/2018. Tuy vậy, quá trình nhà đầu tư phối hợp thực hiện thủ tục bồi thường, hỗ trợ, GPMB chậm. Riêng đối với dự án Sơn Quang, Nhà đầu tư cần đẩy nhanh tiến độ chi trả, hoàn tất công tác GPMB; phối hợp tốt với Tổng Công ty Điện lực Miền bắc, Công ty Điện lực Hà Tĩnh xử lý dứt điểm thỏa thuận đấu nối, đẩy nhanh tiến độ dự án.

- Đối với Danh mục các dự án UBND tỉnh đã đề xuất Thủ tướng, Bộ Công Thương xem xét, điều chỉnh bổ sung quy hoạch: 04 Dự án UBND tỉnh đã trình (Nhà máy ĐMT Cẩm Lạc, Nhà máy ĐMT Rào Trổ, Nhà máy ĐMT Hồng Lộc, Nhà máy ĐMT Kỳ Sơn): Khi được phê duyệt điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch phát triển điện lực; thực hiện bước thẩm định dự án, chấp thuận chủ trương đầu tư, yêu cầu nhà đầu tư, cơ quan liên quan đánh giá sâu, kỹ về hiệu quả chuyển đổi, sử dụng đất, đánh giá tác động môi trường, ảnh hưởng an sinh xã hội, hiệu quả dự án và các vấn đề liên quan khác theo quy định.

- Đối với Danh mục các dự án UBND tỉnh đồng ý nguyên tắc cho phép Nhà đầu tư nghiên cứu, khảo sát

+ Dự án Nhà máy ĐMT Ngọc Sơn, công suất 30MWp (Công ty CPXL Thành Vinh): Có diện tích sử dụng đất 36ha, trong đó 14,4ha đất chưa sử dụng (chủ yếu hoang hóa, vùng đồi núi đã khai thác), 17ha đất hồ đập (đập 19/5) và 4,6ha đất trồng cây lâu năm khác; vị trí đấu nối và giải tỏa thuận lợi; các ngành đề xuất UBND tỉnh cho phép Nhà đầu tư tiếp tục nghiên cứu thực hiện dự án.

+ Dự án Nhà máy ĐMT Hương Sơn, công suất 45MWp (Công ty CP Thủy điện Hương Sơn): có diện tích sử dụng đất 54ha, hiện trạng là đất rừng sản xuất đã giao cho các hộ dân khai thác, sử dụng; thuộc Quy hoạch đất sinh thái nông nghiệp, đất du lịch sinh thái theo Đồ án QH chung Khu Kinh tế CKQT Cầu Treo đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 961/QĐ-TTg ngày 25/6/2010; Khu Công nghiệp, thương mại, dịch vụ du lịch và sinh thái Đá Mồng được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2239/QĐ-UB ngày 04/8/2010. Vì vậy, cần phải thực hiện điều chỉnh các Quy hoạch liên quan theo quy định trước khi lập hồ sơ trình điều chỉnh bổ sung Quy hoạch phát triển điện lực.

+ Dự án Nhà máy điện mặt trời ECOSUN Kỳ Trinh, công suất 50MWp (Công ty cổ phần ECO SUN - Công ty Phú Tài Đức): Có diện tích sử dụng đất 60ha; hiện trạng đất ao hồ nuôi tôm bỏ hoang. Vị trí nhà đầu tư đề xuất thuộc quy hoạch đất dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng trong Đồ án Quy hoạch chung thị xã Kỳ Anh đến năm 2035 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 706/QĐ-TTg ngày 07/6/2018, tiếp giáp với tuyến đê Hoàng Đình và bao trùm lên một đoạn quy hoạch đường ven biển; mặt khác, vị trí đề xuất có tiềm năng phát triển dịch vụ, du lịch nên các ngành thống nhất đề xuất Nhà đầu tư dừng, không tiếp tục nghiên cứu thực hiện dự án tại đây.

+ Dự án Nhà máy điện mặt trời ECOSUN Thạch Trị - Thạch Lạc, công suất 50MWp (Công ty cổ phần ECO SUN- Công ty Phú Tài Đức): Có diện tích sử dụng đất 60ha, trong đó 4,7ha đất chưa sử dụng (đất hoang hóa); 48ha đất rừng trồng sản xuất; 3,74ha đất rừng tự nhiên và 3,56ha đất trồng cây lâu năm khác. Vị trí đề xuất nằm trong lộ trình GPMB từ năm 2028-2033 của Dự án khai thác và tuyển quặng sắt mỏ Thạch Khê được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 15/5/2013. Vấn đề này liên quan đến chủ trương của tỉnh đang đề xuất Trung ương tạm dừng khai thác mỏ Sắt Thạch Khê; do vậy, việc thực hiện nghiên cứu, lập hồ sơ bổ sung quy hoạch dự án này cần phải cân nhắc kỹ tránh chồng chéo các quy hoạch đã được phê duyệt.

- Đối với các dự án nhà đầu tư tiếp tục quan tâm, đề xuất chủ trương, giới thiệu địa điểm: Trên cơ sở rà soát, đánh giá tổng thể các nội dung của các dự án đã đề xuất, điều chỉnh bổ sung quy hoạch; các sở, ban ngành, địa phương liên quan thống nhất đề xuất UBND tỉnh chỉ chấp thuận khảo sát, nghiên cứu dự án ở các vị trí đất nghèo, nghèo kiệt, hoang hóa, bạc màu, hiệu quả sử dụng đất thấp, đất quy hoạch nuôi trồng thủy sản hoặc sản xuất không hiệu quả hoặc các vị trí kết hợp điện mặt trời với sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để tận dụng tối đa hiệu quả sử dụng đất (sản xuất các cây trồng phù hợp với đất cát, khô hạn như kiệu, hành tía, tỏi, ớt… ở phía dưới các tấm pin PV). Việc này giảm thiểu lãng phí tài nguyên đất, sử dụng lao động địa phương tại chỗ, góp phần vào công tác an sinh xã hội khi nhà máy đi vào hoạt động. Không giới thiệu, nghiên cứu, khảo sát bổ sung các vị trí trên mặt hồ, đập đang cấp nước sinh hoạt, quy hoạch cấp nước sinh hoạt trên địa bàn.

*c. Một số khó khăn, vướng mắc*

- Về thực hiện Quy hoạch: Việc lập, điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển điện lực trước đây được Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn rất cụ thể ở các Thông tư liên quan về nội dung, trình tự, thẩm quyền lập, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia/tỉnh. Hiện tại, Luật Quy hoạch có hiệu lực từ ngày 01/01/2019 và quy định có liên quan đến các quy hoạch yêu cầu được tích hợp vào quy hoạch chung của tỉnh. Tuy vậy, đến nay vẫn chưa có văn bản chuyên ngành quy định, hướng dẫn cụ thể về nội dung, trình tự tích hợp; việc bổ sung, điều chỉnh, thẩm quyền thực hiện khi các địa phương có nhu cầu điều chỉnh hoặc bổ sung dự án mới trên địa bàn tỉnh.

- Cơ chế khuyến khích phát triển, giá bán điện: Hiện tại, Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam có hiệu lực đến 30/6/2019, Chính phủ chưa ban hành văn bản thay thế; do đó, việc tư vấn, định hướng cho nhà đầu tư, thực hiện về một số cơ chế khuyến khích, ưu đãi đầu tư phát triển dự án, tính toán các nội dung liên quan đến giá điện, hiệu quả kinh tế… của các dự án điện mặt trời gặp nhiều khó khăn.

**Câu hỏi 6:** Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết thông qua kế hoạch biên chế hàng năm, nhưng một số đơn vị, địa phương thiếu người làm việc so với biên chế giao, có đơn vị thiếu số lượng lớn, kéo dài nhiều năm nhưng không được tuyển dụng mặc dù các cơ quan, đơn vị, địa phương đã được giao biên chế trên cơ sở đã tinh giảm theo lộ trình, dẫn đến khó khăn trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho biết nguyên nhân, giải pháp trong thời gian tới.

**Trả lời:**

Thực hiện Luật Cán bộ, công chức năm 2008, Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ rà soát vị trí việc làm, biên chế còn thiếu gắn với lộ trình tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh (tại các kỳ họp cuối năm) thông qua và giao kế hoạch biên chế công chức cho các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chức hội.

- Thực hiện thẩm quyền tuyển dụng công chức: Từ đầu năm Sở Nội vụ đã tham mưu kịp thời, trình Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện kế hoạch tuyển dụng công chức: Năm 2016 - 2017, đã tổ chức kỳ thi tuyển dụng công chức với 38 người/86 chỉ tiêu, tuyển dụng không qua thi 30 người; năm 2018, tuyển dụng công chức thực hiện thông qua hình thức tiếp nhận không qua thi là 19 người/183 chỉ tiêu còn thiếu; năm 2019 đã thực hiện tuyển dụng công chức không qua thi 14 người, hiện đang làm quy trình sát hạch 13 người /231 chỉ tiêu còn thiếu so với kế hoạch giao (sở, ngành cấp tỉnh thiếu 140; Ủy ban nhân dân cấp huyện thiếu 91). Như vậy, số công chức huyện, tỉnh được tuyển bổ sung hàng năm so với số biên chế thiếu và kế hoạch được giao, còn rất thấp.

- Đối với việc tuyển dụng viên chức: Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân cấp cho các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tuyển dụng viên chức (tại Điều 20 Quyết định số 44/2013/QĐ-UBND ngày 17/10/2013). Kết quả thực hiện từ năm 2016 đến nay: Năm 2016: 50 người; năm 2017: 105 người; năm 2018: 444 người; Năm 2019: 98 người, hiện đang thực hiện tuyển dụng 456 viên chức giáo viên tiểu học, 263 nhân viên hành chính mầm non, 40 chỉ tiêu hợp đồng theo Quyết định 2531/QĐ-UBND. Như vậy, việc Hội đồng nhân dân tỉnh phản ánh, chất vấn: “***Một số đơn vị, địa phương thiếu người làm việc so với biên chế giao, có đơn vị thiếu số lượng lớn, kéo dài nhiều năm nhưng không được tuyển dụng, mặc dù các cơ quan, đơn vị, địa phương đã được giao biên chế trên cơ sở đã tinh giảm theo lộ trình, dẫn đến khó khăn trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ”*** là đúng, UBND tỉnh xin tiếp thu và sẽ chỉ đạo Sở Nội vụ xin thực hiện hoàn thành trong thời gian tới.

***Nguyên nhân khách quan:***

- Những năm qua, thực hiện các chủ trương của Trung ương và Tỉnh ủy về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế (quy định tại các văn bản Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị; Kết luận số 17-KL/TW ngày 11/9/2017 của Bộ Chính trị; Kết luận số 05/KL-TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ; Chương trình hành động: số 920-CTr/TU ngày 31/01/2018, số 1011-CTr/TU ngày 03/5/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh;...), các cơ quan, đơn vị đang tập trung hoàn thành nhiệm vụ sắp xếp tổ chức bộ máy bảo đảm hiệu lực, hiệu quả gắn với thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

- Năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh đang tập trung chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW; Nghị quyết số 653/NQ-UBTVQH; Nghị quyết số 32/NQ- CP, theo đó tỉnh Hà Tĩnh phải thực hiện sắp xếp, sáp nhập 80 đơn vị hành chính cấp xã (dự kiến phải sắp xếp hơn 2.320 cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã), giải pháp chỉ đạo theo Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ thì tại các đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện phải sắp xếp lại (theo chỉ đạo của tỉnh thì kể cả cấp huyện và cấp tỉnh) năm 2019, phải tạm dừng việc tuyển dụng, tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức. Việc giao chỉ tiêu bổ sung biên chế theo Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 (197 biên chế) còn chậm.

Vì vậy, việc tuyển dụng công chức chưa tổ chức thực hiện kịp thời.

***Nguyên nhân chủ quan:***

- Tham mưu của Sở Nội vụ trong việc triển khai nhiệm vụ này chưa thực sự linh hoạt, năng động, triệt để; chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh (có nội dung công tác) chưa kịp thời.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện tuyển dụng theo chỉ tiêu được phân bổ còn nhiều khó khăn (thực hiện tuyển dụng 410 chỉ tiêu giáo viên mầm non và tiểu học được giao tại văn bản 4355/UBND ngày 25/7/2018 và 456 chỉ tiêu giáo viên Tiểu học theo văn bản số 5780/UBND-NC1 ngày 30/8/2018 của UBND tỉnh; 303 chỉ tiêu theo Nghị quyết 163/NQ-HĐND của HĐND tỉnh còn lúng túng, chậm trễ);

- Một số đơn vị sự nghiệp có lĩnh vực hoạt động đặc thù (Trung tâm Chữa bệnh, giáo dục, xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) việc tuyển dụng theo quy định sẽ gặp khó khăn do tính chất phức tạp của vị trí việc làm viên chức đảm nhiệm, người được tuyển dụng thường không làm việc được lâu dài, xin chuyển việc khác khi đã trở thành viên chức.

- Điều kiện tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học quy định đối với công chức, viên chức khó đáp ứng trong tuyển dụng (như đảm bảo khung tiêu chuẩn ngoại ngữ theo khung năng lực 6 bậc hiện nay Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa có hướng tổ chức thi và chuyển đổi cho các học viên ), dẫn đến việc tuyển dụng Giáo viên mầm non, tiểu học , kiểm lâm lúng túng, chậm so với kế hoạch.

- Việc sửa đổi quy trình, điều kiện tuyển dụng theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP còn mới mẻ, thông tư 03 ban hành chậm nên công tác tuyển dụng của địa phương còn nhiều bỡ ngỡ.

***Giải pháp:***

- Ủy ban nhân dân tỉnh đang chỉ đạo kịp thời sửa đổi Quyết định số 44/2013/QĐ-UBND quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức theo hướng: Trên cơ sở Hội đồng nhân dân tỉnh giao biên chế hàng năm thì phân cấp cho các cơ quan, đơn vị còn biên chế thực hiện việc tuyển dụng viên chức để đảm bảo số lượng người làm việc đáp ứng công việc được giao (không quy định phải có phê duyệt chủ trương tuyển dụng viên chức của Ủy ban nhân dân tỉnh thì mới được tuyển dụng).

- Căn cứ chỉ tiêu biên chế còn thiếu của các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nội vụ tham mưu phương án cụ thể để thực hiện tuyển dụng (theo quy định, hướng dẫn), lưu ý tập trung tuyển dụng không qua thi đối với cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do điều chỉnh địa giới hành chính đối với các đối tượng có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, phù hợp với vị trí việc làm còn thiếu tại các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện.

- Thực hiện tuyển dụng theo hình thức chuyển công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên đối với các đơn vị cấp xã thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính được ưu tiên tuyển dụng trước.

- Thực hiện việc tuyển dụng công chức có kinh nghiệm từ viên chức, doanh nghiệp nhà nước, công chức cấp xã để bổ sung kịp thời người có kinh nghiệm công tác trước khi thi tuyển đại trà.

- Kịp thời đề xuất Chính phủ, Bộ Nội vụ xem xét điều chỉnh cơ chế tuyển dụng viên chức đối với một số lĩnh vực đặc thù (như: các Ban Quản lý rừng phòng hộ thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trung tâm Chữa bệnh, giáo dục, xã hội thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội).

**Câu hỏi 7:** Tình trạng giáo viên vừa thừa vừa thiếu ở tỉnh ta đã kéo dài trong nhiều năm, tại một số địa phương, việc thiếu giáo viên trầm trọng đã ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học. Đề nghị cho biết trách nhiệm thuộc về ai và giải pháp sắp tới nhằm giải quyết dứt điểm tình trạng này?

**Trả lời:**

***7.1. Nguyên nhân***

*a. Nguyên nhân khách quan:*

- Trong việc tham mưu giao chỉ tiêu biên chế hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh phải thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Trung ương. Cụ thể: Nghị quyết số 19-NQ/TW *“Đổi mới cơ chế xác định và giao biên chế theo hướng quản lý, giám sát chặt chẽ biên chế của các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm; chấm dứt việc tự phê duyệt giao biên chế sự nghiệp vượt quá số lượng được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc thẩm định”*; Kết luận số 17-KL/TW ngày 11/9/2017 của Bộ Chính trị; Chỉ thị 02/CT-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ *“Từ nay đến năm 2021, mỗi năm các địa phương thực hiện giảm từ 1,5 đến 2% biên chế sự nghiệp được giao năm 2015; Đối với lĩnh vực giáo dục, đào tạo: Trường hợp phải mới trường, tăng số lớp và tăng số học sinh, địa phương tự cân đối trong tổng số biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo đã được cấp có thẩm quyền giao; nếu không thể tự cân đối được thì có đề xuất gửi Bộ Nội vụ thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định”*.

-Tổng biên chế nói chung, tổng biên chế sự nghiệp tại tất cả các đơn vị sự nghiệp công lập toàn tỉnh (cơ sở để cân đối kế hoạch giao biên chế hàng năm) được Bộ Nội vụ thẩm định năm 2015 (tại Văn bản số 1856/BNV ngày 27/4/2015 của Bộ Nội vụ; Văn bản số 10495/VPCP ngày 16/12/2015 của Văn phòng Chính phủ), do đó, ngay cả việc Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất bổ sung 966 người hợp đồng tại 93 trường bán công khi có quyết định chuyển thành trường công lập, đến nay vẫn chưa có ý kiển trả lời chính thức; chưa kể năm 2017 - 2018, khi có biến động cơ học mạnh làm tăng số lượng học sinh bậc mầm non và tiểu học (Văn bản số 785/SNV ngày 10/7/2018 của sở Nội vụ báo cáo đề nghị đề nghị bổ sung biên chế ngành y tế, giáo dục theo hướng dẫn tại Văn bản số 3014/BNV ngày 02/7/2018 của Bộ Nội vụ), vẫn không có trả lời. Từ sự lý giải trên, ***nguyên nhân đầu tiên thiếu giáo viên là không có nguồn biên chế để cân đối bố trí đủ.***

- Việc biến động, tăng dân số cơ học (tăng số lớp, số học sinh) dẫn tới việc thừa/thiếu cục bộ tại một số địa phương.

- Năm 2012, đối chiếu định mức quy định hiện hành (nay là Thông tư 16/2017/TT-BGD&ĐT ngày 12/7/2017), toàn tỉnh dôi dư trên 1.300 biên chế giáo viên THCS và THPT; năm 2015 (năm mốc tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị), số biên chế dôi dư còn 1.016 biên chế; đến cuối năm 2019, dự ước vẫn còn 183 biên chế. Nếu không phải tập trung giải quyết biên chế dôi dư (nói trên), chắc chắn không còn tình trạng ***“Tình trạng giáo viên vừa thừa vừa thiếu ở tỉnh ta đã kéo dài trong nhiều năm”***.

*b. Nguyên nhân chủ quan:*

- Công tác dự báo nhu cầu về đội ngũ của các địa phương chưa kịp thời, bị động, chưa xây dựng được quy định cụ thể tỷ lệ học sinh/lớp trên từng địa bàn và chung cả tỉnh để làm cơ sở cân đối, bố trí biên chế phù hợp.

- Mặc dù, nhu cầu biên chế tăng không được chấp thuận, yêu cầu thực hiện chỉ tiêu tinh giản biên chế (Nghị quyết số 39-NQ/TW) nhưng Ủy ban nhân dân tỉnh vẫn tham mưu bố trí biên chế bậc học mầm non, tiểu học không giảm, mà từng bước điều chỉnh tăng (giáo viên bậc học mầm non: năm 2015, giao 3.845 đến năm 2019, giao 3.975, tăng 130 biên chế; Tiểu học: năm 2015 giao 5.399 đến năm 2019, giao 5.538, tăng 139 biên chế). Tuy vậy, đối chiếu với định mức biên chế theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT (bậc mầm non tối đa 2,5 giáo viên/nhóm trẻ và 2,2 giáo viên/lớp mẫu giáo 02 buổi/ngày; bậc tiểu học dạy học 2 buổi/ngày với định mức tối đa 1,5 giáo viên/lớp; bậc trung học cơ sở định mức 1,9 giáo viên/lớp; bậc trung học phổ thông 2,25 giáo viên/lớp). Tại tỉnh ta, hiện nay do không có biên chế nên tỉnh đang chỉ mới bố trí định mức: bậc mầm non 1,75 giáo viên/lớp, bậc tiểu học 1,42 giáo viên/lớp, bậc THCS 1,9 giáo viên/lớp, là chưa đảm bảo theo quy định.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện tuyển dụng theo chỉ tiêu được phân bổ còn nhiều khó khăn (thực hiện tuyển dụng 410 chỉ tiêu giáo viên mầm non và tiểu học được giao tại văn bản 4355/UBND ngày 25/7/2018 và 456 chỉ tiêu giáo viên Tiểu học theo văn bản số 5780/UBND-NC1 ngày 30/8/2018 của UBND tỉnh; 303 chỉ tiêu theo Nghị quyết 163/NQ-HĐND của HĐND tỉnh còn lúng túng, chậm trễ).

- Ủy ban nhân dân cấp huyện; các trường học chưa thực sự vào cuộc để cùng các sở, ngành, cơ quan được phân công trong việc tập trung sắp xếp biên chế, giải quyết dôi dư, thừa thiếu biên chế cục bộ theo Nghị quyết 96/2017/NQ-HĐND, đặc biệt là hướng đào tạo văn bằng 2 để giải quyết thừa thiếu môn học cục bộ trong một địa phương.

- Việc biệt phái giáo viên tuy đã hoàn thành nhưng vẫn còn chậm (Đức Thọ, Hương Khê, Vũ Quang)

***7.2. Trách nhiệm***

*a. Sở Nội vụ:*

Chưa đề xuất kịp thời để bổ sung biên chế cho số hợp đồng giáo viên mầm non tại các trường bán công chuyển sang công lập theo Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và bổ sung biên chế để đảm bảo định mức giảng dạy giáo viên/lớp theo quy định.

*b. Sở Giáo dục và Đào tạo:*

- Chưa kịp thời xây dựng, triển khai sắp xếp hệ thống trường mầm non và phổ thông theo Nghị quyết số 96/2018/NQ-HĐND ngày 16/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển giáo dục mầm non và phổ thông tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

- Chưa thực hiện nghiêm chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh về xây dựng phương án sắp xếp, cân đối thừa, thiếu đội ngũ viên chức sự nghiệp giáo dục trên địa bàn toàn tỉnh tại các Văn bản: Số 6044/BGDĐT-NGCBQLCSGD ngày 08/12/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông báo kết luận số 10/TB-HĐND ngày 02/3/2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII tại phiên họp thường kỳ thứ 7; Quyết định số 4972/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh; số 6897/UBND-VX ngày 16/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

*c. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thị xã:*

- Chưa nghiêm túc trong xây dựng kế hoạch biên chế đội ngũ giáo viên hàng năm, chưa dự báo sự thay đổi số học sinh, số lớp, tỷ lệ sinh hàng năm để xây dựng kế hoạch biên chế nên dẫn đền tình trạng thừa, thiếu giáo viên.

- Việc bố trí nhiều điểm trường có số học sinh thấp hoặc bố trí số học sinh/lớp thấp so với quy định làm tăng thêm lớp, tăng giáo viên đứng lớp, gây tốn kém về kinh phí đầu tư xây dựng điểm trường, phòng học, trang thiết bị phục vụ dạy và học, tăng số lượng người làm việc của các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

- Việc thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ trong đội ngũ giáo viên chưa đáp ứng yêu cầu đề ra.

- Chưa phê duyệt kịp thời đề xuất tuyển dụng của các địa phương, đơn vị nhất là lĩnh vực giáo viên mầm non.

***7.3. Giải pháp thời gian tới***

- Đề xuất Chính phủ, Bộ Nội vụ xem xét bổ sung đảm bảo chỉ tiêu biên chế giáo viên mầm non, tiểu học để khắc phục tình trạng thiếu giáo viên như hiện nay; cụ thể: Đối với giáo viên mầm non: Bổ sung 2.702 biên chế, trong đó 904 biên chế cho số hợp đồng giáo viên mầm non tại các trường bán công chuyển sang công lập chưa được tính vào biên chế năm 2015/910 hợp đồng lao động do tỉnh bổ sung giải quyết tạm thời việc thiếu giáo viên mầm non và bổ sung 1.798 biên chế để đảm bảo định mức giảng dạy giáo viên trên lớp theo quy định; Đối với giáo viên tiểu học bổ sung thêm 482 giáo viên tiểu học đảm bảo định mức giảng dạy theo quy định nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Thực hiện chuyển số biên chế (đơn vị tự đảm bảo kinh phí) của các đơn vị sự nghiệp tự đảm chi thường xuyên sang đơn vị sự nghiệp giáo dục để có biên chế tuyển dụng số giáo viên còn thiếu tại các địa phương.

- Phê duyệt chủ trương tuyển dụng đối với các đơn vị còn thiếu biên chế giáo viên (bậc THCS và mầm non) so với kế hoạch được giao năm 2019 và sau khi được Chính phủ, Bộ Nội vụ, HĐND tỉnh giao bổ sung biên chế giáo viên.

- Tiếp tục thực hiện cân đối, điều chuyển giáo viên đối với những môn còn thừa, thiếu giữa các bậc học theo Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 09/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định biệt phái giáo viên tiểu học, trung học cơ sở; trung học phổ thông từ đơn vị thừa giáo viên đến đơn vị thiếu giáo viên.

- Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

- Thực hiện nghiêm các nội dung quy định tại Nghị quyết số 96/2018/NQ-HĐND ngày 16/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển giáo dục mầm non và phổ thông tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

**Câu hỏi 8:** Tổ chức, bộ máy của Văn phòng Điều phối Nông thôn mới tỉnh hiện nay bất cập so với quy định chung; có sự bất cập, trùng lắp về chức năng, nhiệm vụ giữa Văn phòng và các cơ quan chuyên môn khác; phương thức, quy trình đánh giá, xét duyệt xã nông thôn mới chưa phù hợp. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho biết nguyên nhân, giải pháp trong thời gian tới?

**Trả lời:**

***8.1. Tổ chức, bộ máy của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh hiện nay có sự bất cập hay không so với quy định chung***

Bộ máy, tổ chức của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh hiện tại thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp; các Văn bản chỉ đạo của Ban Chỉ đạo nông thôn mới tỉnh, như: Thông báo số 04-TB/BCĐ ngày 23/8/2016, Thông báo số 06-TB/BCĐ ngày 26/10/2016, Thông báo số 06-TB/BCĐ ngày 10/9/2018, Thông báo số 06-TB/BCĐ ngày 26/10/2016, Thông báo số 06-TB/BCĐ ngày 10/9/2018, Thông báo số 02-TB/BCĐ ngày 08/4/2019 và các Quyết định của UBND tỉnh, cụ thể: Quyết định số 365/QĐ-UBND ngày 15/02/2011; Quyết định 1289/QĐ-UBND ngày 24/5/2016, Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 03/8/2017, Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 13/5/2019.

Về chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh được cụ thể tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, thực hiện các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Nông thôn mới tỉnh và của UBND tỉnh quy định với 5 chức năng cơ bản: Chức năng Văn phòng của Ban Chỉ đạo tỉnh; chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ đạo tỉnh và UBND tỉnh; chức năng Điều phối; chức năng Giám sát thực hiện Chương trình và chức năng tổ chức thực hiện một số nội dung khác.

Thời gian qua với tổ chức bộ máy và chức năng, nhiệm vụ quy định: Văn phòng Nông thôn mới tỉnh đã giúp UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo nông thôn mới tỉnh thực hiện được nhiều nội dung và đạt được nhiều kết quả quan trọng trong xây dựng nông thôn mới, góp phần thực hiện thành công Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020. Tuy nhiên, vị trí của Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp tỉnh trong hệ thống tổ chức nhà nước chưa được các văn bản quy định rõ ràng, cụ thể; chưa quy định rõ cơ cấu tổ chức.

***8.2. Về phương thức, quy trình xét duyệt xã nông thôn mới***

Quy trình xét duyệt xã nông thôn mới tuân thủ theo đúng quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020. Tuy nhiên, riêng việc tổ chức soát xét đánh giá tại cơ sở từ năm 2017 về trước, UBND tỉnh thành lập Đoàn liên ngành chung (về văn bản xác định mức độ đạt chuẩn tiêu chí do Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ngành ký, chịu trách nhiệm); Từ năm 2018 lại nay và hiện nay có sự thay đổi, các sở, ngành tự độc lập soát xét đánh giá, không thành lập đoàn chung; các Sở, ngành gửi kết quả thẩm định về Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tổng hợp, xây dựng kết quả và hoàn thiện hồ sơ các xã đảm bảo yêu cầu báo cáo Ban Chỉ đạo, UBND tỉnh và tham mưu Hội đồng bỏ phiếu xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Về vấn đề này hiện nay đang có 2 luồng ý kiến khác nhau:

- Thứ nhất làm như trước đây (thành lập Đoàn liên ngành) thì đỡ thời gian nhiều cho cơ sở khi đánh giá, soát xét; có ý kiến thống nhất liên ngành, Ủy ban MTTQ tỉnh sẽ đảm bảo được chức năng giám sát và tạo điều kiện thuận lợi cho các sở, ngành không phải đi nhiều đoàn và khi làm việc tại địa phương có sự tham gia đầy đủ thành phần của huyện, xã, thôn *(việc thành lập Đoàn liên ngành thẩm định được quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg)*;

- Thứ hai, tổ chức như hiện nay (các Sở, ngành chủ động đánh giá) tạo sự chủ động, tăng trách nhiệm hơn cho các sở ngành. Tuy nhiên, thời gian vừa qua lại có nhiều phản ánh tổ chức như thế này thực chất không giảm số người mà tăng lớn số người đi thẩm định tại các xã vì mỗi sở, ngành đi riêng đều có nhóm; cơ sở phải làm việc với nhiều đoàn, mất nhiều thời gian đặc biệt là giai đoạn gần đạt chuẩn phải dành nhiều thời gian để chỉ đạo, tổ chức thực hiện; bên cạnh đó huyện không bố trí để nghe hết được phản ánh của tất cả các sở, ngành để chỉ đạo và cũng không mời được cấp thôn lên để nghe trực tiếp,...

***8.3. Nguyên nhân, giải pháp trong thời gian tới:***

***- Nguyên nhân:***

+ Về chức năng, nhiệm vụ tổ chức: Do chưa có văn bản quy định cụ thể, rõ ràng về vị trí, mô hình, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp tỉnh.

+ Về phương thức, quy trình đánh giá, xét duyệt xã nông thôn mới:UBND tỉnh thay đổi phương thức tổ chức soát xét đánh giá tại cơ sở là do ý kiến phản ánh của 1 số cơ sở.

***- Giải pháp:***

+ Về tổ chức: Sau khi có Nghị định thay thế, điều chỉnh Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 24/4/2014 của Chính phủ quy định các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh trực thuộc tỉnh, thành phố trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ điều chỉnh mô hình, tổ chức và chức năng, nhiệm vụ Văn phòng Nông thôn mới tỉnh phù hợp với quy định.

+ Về phương thức, quy trình đánh giá, xét duyệt xã nông thôn mới: hiện nayUBND tỉnh dự kiến sẽ lấy lại ý kiến của các địa phương, sở ngành để xem xét quyết định phương thức tổ chức thế nào cho phù hợp vừa đảm bảo thuận lợi cho các địa phương, vừa đảm bảo sát thực, khách quan, vừa đảm bảo chức năng giám sát của UBMTTQ tỉnh và đảm bảo hiệu quả, thực chất.

**Câu hỏi 9:** Đề nghị UBND tỉnh cho biết tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên lĩnh vực y tế trong thời gian qua. Những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện. Giải pháp trong thời gian tới.

**Trả lời:**

*9.1. Tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên lĩnh vực y tế trong thời gian qua*

Ngày 16/11/2017, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3371/QĐ-UBND về việc phân loại đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2017 - 2019, trong đó 12 bệnh viện có nguồn thu sự nghiệp tự bảo đảm được toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên (nhóm II) và 7 bệnh viện có nguồn thu sự nghiệp tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động thường xuyên. Sau gần 3 năm thực hiện cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm theo Quyết định 3371/QĐ-UBND, công tác quản lý tài chính theo cơ chế mới tại các cơ sở khám chữa bệnh đạt nhiều kết quả ghi nhận:

+ Đổi mới cơ chế tự chủ từ việc sắp xếp lại bộ máy nhân sự phù hợp với chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức; từ việc điều hành, sử dụng và quản lý kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả, đồng thời phát huy tối đa mọi nguồn lực nhằm cung cấp dịch vụ y tế với chất lượng chuyên môn cao đáp ứng sự hài lòng của người dân.

+ Cơ chế tự chủ giúp Nhà nước giảm bớt gánh nặng về ngân sách do các chi phí trực tiếp cơ bản đã được kết cấu vào giá dịch vụ. Nguồn giảm chi NSNN được bố trí để đầu tư cơ sở vật chất hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật cho đơn vị và thực hiện các chính sách an sinh xã hội của tỉnh. Số NSNN được giảm chi năm 2017 là 205,7 tỷ đồng, năm 2018 là 233,7 tỷ đồng (tương đương giảm 1/2 NSNN). Việc giảm chi NSNN buộc đơn vị phải huy động mọi nguồn lực để tăng thu, tiết kiệm chi nhằm bảo đảm hoạt động của đơn vị, nâng cao tính tụ chủ, tự chịu trách nhiệm trong điều hành tài chính. Nguồn NS giảm chi được UBND tỉnh rà soát, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất trang thiết bị cho các bệnh viện. Một số bệnh viện xuống cấp đã được lập Dự án để xây dựng sửa chữa như: BVĐK huyện Nghi Xuân, BVĐK TX Hồng Lĩnh, BVĐK huyện Đức Thọ, BVĐK huyện Hương Sơn, BVĐK huyện Vũ Quang, BVĐK huyện Hương Khê, BVĐK huyện Can Lộc, BVĐK huyện Thạch Hà, BVĐK huyện Lộc Hà, BVĐK thành phố Hà Tĩnh ….

+ Cơ chế tự chủ tài chính đã phát huy tính năng động, sáng tạo và khuyến khích các đơn vị huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách để đầu tư, mua sắm trang thiết bị, phát triển các kỹ thuật, dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân. Nhờ có hoạt động xã hội hóa (liên doanh liên kết với các công ty hoặc huy động vốn góp cổ phần của cán bộ trong đơn vị), người dân đã có cơ hội được tiếp cận nhiều hơn tới các dịch vụ khám chữa bệnh tiên tiến và chất lượng; từ đó từng bước tăng nguồn thu, nâng cao thu nhập cho người lao động.

*9.2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc:*

*\* Về tổ chức, bộ máy và biên chế:* Trong 12 đơn vị tự chủ nhóm II, có 03 bệnh viện tuyến tỉnh đã được phê duyệt phương án tự chủ, được thực hiện tự chủ về việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tuyển dụng số người làm việc theo danh mục vị trí việc làm và số người làm việc đã được phê duyệt; hiện còn 09 bệnh viện tuyến huyện chưa được phê duyệt do đó chưa được tự chủ về tổ chức bộ máy và biên chế, chưa được giao đủ biên chế theo chỉ tiêu giường bệnh kế hoạch do đó còn khó khăn trong việc bổ sung nguồn nhân lực để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ.

*\* Về cơ chế tài chính:*

- Một số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa đồng bộ, một số điểm không còn phù hợp với thực tiễn gây khó khăn cho các đơn vị trong quá trình thực hiện. Nghị định 16/2015/NĐ-CP ra đời và có hiệu lực từ năm 2015 nhưng đến nay Chính phủ chưa ban hành Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực Y tế, các đơn vị tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và Nghị định số 85/2012/NĐ-CP. Một số nội dung trong các văn bản này không thống nhất.

- Giá dịch vụ KCB hiện nay chưa tính đúng và đủ các chi phí theo quy định tại Nghị định 85/2012/NĐ-CP và Nghị định 16/2015/NĐ-CP. Các chi phí như chi phí quản lý, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ thông tin, để ứng dụng các kỹ thuật mới, chi phí của bộ phận gián tiếp, các chi phí hợp pháp khác để vận hành, bảo đảm hoạt động bình thường của bệnh viện... Các chi phí này bệnh viện phải tự trang trải từ nguồn thu, không được ngân sách cấp bù gây khó khăn cho đơn vị.

- Mức lương cơ sở được điều chỉnh tăng hàng năm nhưng mức lương được kết cấu vào giá không thay đổi kịp thời gây khó khăn cho các cơ sở khám chữa bệnh trong việc đảm bảo các chế độ cho CBCCVC.

- Chi phí tiền lương đã được kết cấu vào giá nhưng theo quy định các đơn vị KCB vẫn phải trích lập nguồn cải cách tiền lương (CCTL) là không phù hợp với thực tế vì chi phí tiền lương được đảm bảo hoàn toàn từ nguồn thu (đối với các đơn vị nhóm II) và đã được NSNN cấp bù (đối với các đơn vị nhóm III). Mặt khác, nguồn CCTL còn dư không được sử dụng sai mục đích, trong khi nhu cầu về mua sắm trang thiết bị và nâng cấp sửa chữa cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao chất lượng KCB là luôn cần thiết. Điều này ít nhiều làm giảm tính tự chủ của đơn vị trong cơ chế tài chính mới như hiện nay.

- Cơ chế huy động nguồn lực từ hoạt động xã hội hóa, liên doanh, liên kết còn nhiều khó khăn và vướng mắc: Mặc dù, đã có chính sách ưu đãi về lãi suất nhưng so với đầu tư cho y tế thì lãi suất cho vay vẫn còn cao, trách nhiệm trả nợ lớn, thủ tục vay khó khăn (đơn vị sự nghiệp công lập không được sử dụng tài sản công (đất, tài sản trên đất) để thế chấp nên nhiều bệnh viện chưa mạnh dạn vay vốn đầu tư, phần lớn đang đề nghị tiếp tục được liên doanh, liên kết về trang thiết bị. Đối với hoạt động liên doanh liên kết, chưa có văn bản hướng dẫn thay thế Thông tư 15/2007/TT-BYT ngày 12/12/2007 của Bộ Y tế đã hết hiệu lực.

- Chính sách BHYT còn nhiều bất cập: KCB BHYT thực hiện chế độ thông tuyến khám, chữa bệnh nhưng vẫn áp dụng khoán quỹ BHYT dẫn đến việc chi phí vượt quỹ tại cơ sở khám chữa bệnh gia tăng. Hầu hết các cơ sở KCB BHYT trong tỉnh đều chi vượt số quỹ được giao, 20% số chi vượt quỹ.

- Công tác thanh quyết toán chi phí KCB BHYT hàng quý, hàng năm của cơ quan BHXH còn chậm; tỷ lệ quyết toán quá thấp (đạt 50% số đề nghị quyết toán). Vì vậy, các đơn vị không có nguồn kinh phí, các chi phí được thanh toán từ nguồn cấp ứng của BHXH, chưa được quyết toán, báo cáo tài chính năm không phản ánh đúng thực tế phát sinh. Đến thời điểm báo cáo, tổng chi phí KCB vượt quỹ 2017 và 2018 chưa được quyết toán 230,9 tỷ đồng (trong đó, năm 2017 là 121,4 tỷ đồng; năm 2018 là 109,5 tỷ đồng). Tổng chi phí KCB BHYT phát sinh 3 quí năm 2019 chưa được thẩm định quyết toán là 685,1 tỷ đồng.

- Việc triển khai khám chữa bệnh tại các Trạm y tế xã, phường, thị trấn được thực hiện qua việc ký hợp đồng giữa bệnh viện với các trạm y tế. Chi phí khám chữa bệnh tại trạm y tế được tính trong tổng quỹ giao cho các bệnh viện hàng năm. Dẫn đến khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ, chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động y tế cơ sở.

- Tại một số đơn vị, nguồn nhân lực và hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất chưa đồng bộ. Trang thiết bị và cơ sở vật chất đã từng bước được cải thiện tuy nhiên còn hạn chế. NSNN cấp để đầu tư nâng cấp còn nhỏ giọt vì còn tùy thuộc vào mức thu của ngân sách địa phương.

*9.3. Các giải pháp trong thời gian tới:*

- Tổ chức đánh giá tình hình tự chủ giai đoạn 2017 - 2019 của các đơn vị sự nghiệp công lập, làm cơ sở để điều chỉnh ngân sách và phân loại đơn vị sự nghiệp trong giai đoạn tiếp theo 2020 - 2022.

- Đối với các BV đã được phê duyệt phương án tự chủ (BVĐK tỉnh, BV YHCT, BV PHCN) tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ theo phương án đã được phê duyệt và không ngừng nâng cao mức độ tự chủ trong giai đoạn mới.

- Ưu tiên bố trí kinh phí cho các cơ sở KCB nhằm cải tạo cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị nâng cao chất lượng dịch vụ từ kinh phí sự nghiệp và các đề án, chính sách như Đề án Tăng cường cơ sở vật chất bệnh viện tuyến tỉnh, Đề án Bệnh viện vệ tinh, Đề án Phát triển kỹ thuật chuyên sâu BVĐK tỉnh, Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định 2348 của Chính phủ về xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới…

- Để tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho các cơ sở y tế nhằm đáp ứng được các yêu cầu chuyên môn trong quá trình thực hiện tự chủ trong thời gian tới. UBND tỉnh đã đề xuất Bộ Tài chính bố trí kinh phí thực hiện Dự án Đầu tư mua sắm trang thiết bị cho BVĐK tỉnh (250 tỷ đồng); xem xét ưu tiên nguồn lực để đầu tư khu xạ trị tại BVĐK tỉnh; chuẩn bị triển khai các dự án khởi công mới được bổ sung vào trung hạn giai đoạn 2016-2020 gồm: Dự án cung cấp thiết bị y tế cho Bệnh viện Đa khoa huyện Đức Thọ sử dụng vốn ODA Hàn Quốc (66,7 tỷ đồng); Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay của ADB (150 tỷ đồng) để xây mới 26 trạm y tế và cải tạo nâng cấp 21 TYT. Bên cạnh đó, ngành Y tế cũng đã tham mưu đề xuất đưa các dự án nâng cấp cải tạo các bệnh viện tuyến huyện, mua sắm trang thiết bị y tế… vào chương trình đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách TW và ngân sách tỉnh.

- Chỉ đạo Ngành Y tế thường xuyên phối hợp với BHXH tỉnh và kiến nghị Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện thanh quyết toán chi phí KCB BHYT đầy đủ, kịp thời tạo điều kiện cho các cơ sở đảm bảo nguồn chi thường xuyên, nâng cao mức độ tự chủ của đơn vị.

- Các cơ sở y tế tiếp tục đổi mới phong cách thái độ phục vụ người dân. Thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động khám chữa bệnh. Nâng cao chất lượng cung ứng các dịch vụ. Thực hiện có hiệu quả các đề án phát triển kỹ thuật chuyên sâu, đề án bệnh viện vệ tinh nhằm phát triển các dịch vụ kỹ thuật mới, vượt tuyến giúp người dân được tiếp cận các dịch vụ kỹ thuật tuyến trên ngay tại địa phương. Đẩy mạnh hoạt động chỉ đạo tuyến, luân phiên người hành nghề từ tuyến tỉnh xuống tuyến huyện, tuyến huyện xuống tuyến xã và ngược lại để nâng cao năng lực chuyên môn cho tuyến dưới.

**Câu hỏi 10:** Trong những năm gần đây tình trạng tai nạn thương tích đối với trẻ em ngày càng nhiều, đề nghị cho biết nguyên nhân và giải pháp sắp tới.

**Trả lời:**

Thực hiện Luật Trẻ em, Nghị định số 56/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một điều của Luật Trẻ em và các Chương trình, Đề án của Chính phủ, các Bộ, ngành, tỉnh Hà Tĩnh đã kịp thời ban hành Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 23/3/2016 triển khai thực hiện Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 12/4/2016 về phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 415/KH-UBND ngày 24/11/2016 về phòng, ngừa giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016- 2018. Đặc biệt, năm 2018, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 về củng cố, phát triển hệ thống mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn đến năm 2030; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 10/01/2019 về thực hiện Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND; Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 01/6/2018 về thực hiện quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 12/02/2019 về thực hiện Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2019 - 2025; Chỉ thị số 11/CT- UBND ngày 10/7/2019 của UBND tỉnh về tăng cường công tác bảo vệ trẻ em trên địa bàn tỉnh; thực hiện đầy đủ các quyền của trẻ em, đảm bảo quyền trẻ em và môi trường sống an toàn cho trẻ em; hỗ trợ trẻ em phát triển toàn diện, quan tâm trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Các sở, ngành, địa phương đã xây dựng kế hoạch và lồng ghép chỉ tiêu về trẻ em trong kế hoạch phát triển KT- XH hàng năm và giai đoạn; hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu, mục tiêu về bảo vệ chăm sóc trẻ em; tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi giảm từ 15,8% năm 2017 xuống còn 14,5 % năm 2018, năm 2019, tỷ lệ này còn 14,3%. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi giảm từ 10% năm 2017 giảm còn 9,2% năm 2018, năm 2019 tỷ lệ này còn 8,9%; tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc tiểu học là 99,9%; 87,8% trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp bằng các hình thức, gần 100% trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ BHYT; 96,56% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phù hợp với trẻ em. Việc chi trả chính sách trợ giúp xã hội đối với trẻ em được các địa phương thực hiện kịp thời, đúng đối tượng, định mức theo quy định. Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh làm tốt công tác huy động nguồn lực và triển khai các hoạt động một cách đồng bộ, hiệu quả: tính riêng từ năm 2017-2018, Quỹ đã huy động được số tiền 14,64 tỷ đồng phục vụ triển khai các hoạt động hỗ trợ giúp đỡ trẻ em khó khăn; năm 2019, Qũy huy động được số tiền 8,3 tỷ đồng, hỗ trợ trực tiếp cho 7.555 trẻ em trong toàn tỉnh và nhiều hoạt động trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; đẩy mạnh công tác truyền thông, duy trì đường dây nóng bảo vệ trẻ em; tổ chức các diễn đàn trẻ em; Tháng hành động vì trẻ em, Ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, Tết Trung thu; công tác kiểm tra, giám sát được các đơn vị, địa phương quan tâm mang lại hiệu quả thiết thực; Văn phòng tư vấn, cung cấp dịch vụ dành cho trẻ em thị xã Hồng Lĩnh hoạt động phát huy hiệu quả… Tổng kinh phí thực hiện các chính sách, chương trình, đề án về trẻ em giai đoạn 2017- 2018 là 237,563 tỷ đồng[[1]](#footnote-1).

 Tuy vậy, bên cạnh những kết quả nêu trên, công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em vẫn còn những khó khăn, nhất là tình trạng tai nạn thương tích trẻ em chưa có dấu hiệu giảm, từ năm 2016-2018, toàn tỉnh có 87 em tử vong cho tai nạn thương tích, năm 2019, có 30 trường hợp tai nạn thương tích và đuối nước, trong đó 78 trường hợp tử vong do đuối nước) đã để lại những hậu quả nặng nề cho gia đình và toàn xã hội.

 Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng tai nạn thương tích trẻ em:

 - Nguyên nhân khách quan: (1) Hà Tĩnh là tỉnh có địa hình tương đối phức tạp, có nhiều sông, suối, ao, hồ, kênh mương, có bờ biển dài. (2) Hàng năm, tỉnh ta luôn phải hứng chịu nhiều thiên tai, bão lũ để lại hậu quả nặng nề. (3) Môi trường sống xuất hiện và tiềm ẩn nhiều nguy cơ thiếu an toàn cho trẻ em. (4) Hệ thống cơ sở hạ tầng như trường học, đường giao thông, kênh mương chưa đảm bảo an toàn cho trẻ em.

 - Nguyên nhân chủ quan: (1) Công tác tuyên truyền về phòng chống tai nạn thương tích trẻ em mặc dù đã được các cấp, các ngành triển khai thực hiện nhưng chưa thường xuyên, nội dung và phương pháp tuyên truyền chưa phát huy hết hiệu quả. (2) Vai trò, trách nhiệm và nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền địa phương trong công tác phòng chống tai nạn thương tích trẻ em chưa được quan tâm đúng mức. (3) Việc huy động, bố trí nguồn lực cho công tác bảo vệ trẻ em ở các ngành, địa phương còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là các sân chơi cho trẻ em còn thiếu thốn, chưa được quan tâm đầu tư xây dựng. (4) Công tác phối hợp giữa các sở, ngành, tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương trong công tác phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em chưa chặt chẽ, thiếu cụ thể, chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao. (5) Nhiều bậc phụ huynh, người chăm sóc trẻ em, gia đình và chính bản thân trẻ em còn thiếu kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em; chủ quan, bất cẩn trong việc theo dõi, quản lý, giám sát các hoạt động sinh hoạt đời sống hàng ngày của con em mình.

 Để tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em, từng bước kiểm soát và hạn chế tình trạng tai nạn thương tích trẻ em; thời gian tới UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các cấp, các ngành, đoàn thể cần thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp trọng tâm sau:

 - Tiếp tục thực hiện đồng bộ Luật trẻ em; Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 16/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chỉ đạo, thực hiện phòng, chống tai nạn thương tích và đuối nước cho học sinh, trẻ em; Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 16/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các giải pháp phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 12/4/2016 của UBND tỉnh về phòng, chống tai nạn thương tích; Chỉ thị số 11/CT- UBND ngày 10/7/2019 của UBND tỉnh về tăng cường công tác bảo vệ trẻ em trên địa bàn tỉnh; các chương trình, kế hoạch, đề án về bảo vệ, chăm sóc trẻ em;

- Tăng cường trách nhiệm, sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, vai trò của các đoàn thể, gia đình và cộng đồng xã hội đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em nói chung và công tác phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em nói riêng.

 - Tăng cường công tác truyền thông, thông thông tin, quảng bá Tổng đài điện thoại quốc gia về bảo vệ trẻ em (số 111) nhằm thông báo, tố giác và tham gia giải quyết các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em và tư vấn các chính sách đối với trẻ em; giáo dục, vận động xã hội, tập huấn nghiệp vụ nhằm nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng phòng, chống tai nạn, thương tích cho trẻ em, gia đình, trường học, cộng đồng và xã hội. Nâng cao năng lực về phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em cho đội ngũ công chức, viên chức, cộng tác viên, tình nguyện viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em các cấp, các ngành, đoàn thể.

 - **Xây dựng cộng đồng an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em; tiếp tục quan tâm hỗ trợ,**xây dựng và nhân rộng mô hình Ngôi nhà an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em tại các xã, phường, thị trấn. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ trẻ em theo hướng nâng cao trách nhiệm của gia đình, nhà trường, cộng đồng.

 - Tập trung xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó chú trọng cải thiện môi trường sống, xây dựng các khu vui chơi giải trí phù hợp nhằm đảm bảo trẻ em được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, từng bước hạn chế và kiểm soát tình trạng tai nạn thương tích trẻ em.

 - Tăng cường công tác quản lý nhà nước, phối hợp thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật liên quan đến trẻ em và thực hiện quyền trẻ em; giám sát liên ngành về phòng, chống tan nạn thương tích trẻ em.

**Câu hỏi 11:** Qua các kỳ tiếp xúc của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, cử tri nhiều lần kiến nghị sớm hoàn thành giải quyết chế độ dân công hỏa tuyến theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ nhưng đến nay vẫn còn tồn đọng khá lớn. Đề nghị cho biết nguyên nhân, hướng xử lý trong thời gian tới.

**Trả lời:**

Việc giải quyết chế độ cho các đối tượng dân công hỏa tuyến theo Quyết định 49/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương rà soát, thẩm định, triển khai thực hiện kịp thời các chế độ, chính sách theo đúng quy định và đã nhiều lần trả lời kiến nghị cử tri tại các kỳ họp trước.

Hiện nay, toàn tỉnh có 91.085 hồ sơ, Bộ CHQS tỉnh đã xét duyệt và Quân khu đã có Quyết định giải quyết trợ cấp một lần cho 83.883 hồ sơ *(tăng 14.232 đối tượng được chi trả trợ cấp so với thời điểm tháng 7/2019*), với kinh phí 194,104 tỷ đồng. Hiện còn 7.202 trường hợp chưa có Quyết định chi trả, trong đó: Hồ sơ đã đề nghị Quân khu 5.777 bộ; hồ sơ ở cấp tỉnh đang xét duyệt 468 bộ, số hồ sơ còn lại ở cấp huyện đang rà soát, bổ sung. Ngoài ra, UBND tỉnh đã ban hành quyết định cấp thẻ BHYT cho 4.723 đối tượng, kinh phí hơn 3,797 tỷ đồng và trợ cấp mai táng phí cho 752 đối tượng, kinh phí trên 11,88 tỷ đồng.

 Như vậy, có thể khẳng định, việc xét duyệt, chi trả chính sách cho đối tượng dân công hỏa tuyến đã được tỉnh tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai kịp thời, đúng đối tượng, đúng chính sách quy định; hiện chỉ còn 7.202 trường hợp chưa có Quyết định chi trả, tỉnh sẽ tăng cường chỉ đạo các cấp, các ngành tích cực thẩm định, đề xuất Quân khu đẩy nhanh tiến độ xét duyệt, thực hiện kịp thời các chính sách theo quy định.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện các nội dung chất vấn tại Kỳ họp thứ 10 HĐND tỉnh khoá XVII; UBND tỉnh tổng hợp báo cáo Thường trực HĐND tỉnh và các Đại biểu HĐND tỉnh./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Chánh, các Phó Văn phòng;- Lưu: VT, TH1. | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN****KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH** **Đặng Ngọc Sơn** |

1. Trong đó: - Chi ngân sách cho đầu tư phát triển từ ngân sách riêng của địa phương hỗ trợ cho các Chương trình MTQG, Chương trình quốc gia liên quan đến bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em: 167.587 triệu đồng.

- Chi ngân sách cho đầu tư phát triển từ NSTW hỗ trợ cho các Chương trình MTQG, Chương trình quốc gia liên quan đến BVCSTE: 65.919 triệu đồng.

- Chi thường xuyên trong lĩnh vực BVCSTE (các khoản chi thường xuyên dành cho công tác BVCSTE; trợ giúp xã hội cho trẻ em thông qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội: 4.057 triệu đồng [↑](#footnote-ref-1)